

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN - HÓA RA HÀNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Anh-hùng với giai-nhân	Tam-Gio
Nguyễn-văn-Thắng	Nguyễn-Triệu
Ông Ích-Khiêm	Nhật-Nham
Tư-tưởng của R. Tagore	Nhân-Nghĩa
« Pháo-dài bay » và phi cơ khu-trục	Nguyễn-huyền-Tĩnh
Dạng-bản văn-pháp (V)	Đào duy-Anh
Tiểu thuyết « Bà Quận Mỹ » (XII)	Chu-Thiên
Hai phép quân-phân diện, thổ...	Tiên-Đàm
Nhân việc chính-phủ sẽ mở một trường Cao-đẳng khoa-học...	Hoa-Bằng
Phong-dao chia loại và giải nghĩa (II)	H. B.
Thổ-nhĩ-Kỳ giữa hai lưỡi kiếm Anh	Nhật-Nham
Nga và Đức	
Lòng srong-phụ (chuyện thực)	Minh-Tuyền

vân vân

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5\$50 — 6 tháng 2\$80 — 3 tháng 1\$50

Mỗi số 12 xu

TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Dã từ lâu, người mình thiếu hẳn cái khuynh-hướng về khoa học !

Các cụ ta xưa, trải bao thế-kỷ, chỉ hụp lặn trong bể « từ-chương ». Khi chưa đỗ, mãi-miết theo đuổi văn-chương cử-nghiệp ; sau khi đỗ, chỉ tiêu-khiển bả g mấy món văn chơi : thơ ngâm - vịnh, đối, trường-mừng phúng... Kết cục bao-nhiều công phu đèn sách, bao-nhiều thi-giờ vàng-bạc, phần-nhiều cụ chỉ còn để lại cho người sau được tập thơ văn !

Suốt một thế-hệ cũ, ngoài những tác-phẩm như mấy pho sử-ký của các sử-thần lịch đại, bộ *Lịch - triều hiên-chương* của Phan-huy-Chú, cuốn *Phủ - biên tạp lục* và tập *Kiến-văn tiều-lục...* của Lê-Quý-Đôn là có tính-cách khảo-cứu, có ích-lợi cần-thiết ra, còn tuyền là văn khoa-cử, văn thù-ương cả !

Có thể nói xưa ta không có khuynh-hướng và hiếu-thượng khoa-học !



Thế-hệ mới có cái may-mắn hơn người xưa là được trực-tiếp với văn-hóa tây-phương, được hằng ngày sống dưới ánh sáng khoa-học. Nhưng xét đến thực-tế ? Lớp tân - học cũng chẳng khác gì các cụ xưa : cũng mắc phải như g bịnh « sinh hư-vấn », « sinh chuyện phù-phiếm » !

Chứng cứ ? Ba Nhân-Nghĩa đã cho tôi cái biểu thống-kế mà họ đã kê cụ về số sách quốc-văn xuất-bản từ năm 1930 đến 1940 :

Trong khoảng mười năm đó,

Nhân việc Chính-phủ sẽ mở tại Hà - nội một trường Cao - đẳng khoa - học ...

sách xuất-bản của ta đã lên được đến con số đáng kể : 5.907 cuốn. Nhưng trong số đó chỉ có độ 50 cuốn đáng gọi là loại sử-học và văn-học, còn tiểu - thuyết chiếm 1.770, thơ 209, kịch 419 (cộng 2.398 cuốn).

Thế đủ biết những nhà cầm bút bây giờ phần-nhiều chỉ thiên về tiểu-thuyết và thơ, kịch ! Vậy ta thử thấp đuốc mà tìm xem trong học-giới việt-nam ngày nay đã có mấy ai viết sách cao cấp khoa học ?

Đành rằng hiếu-thượng sai-lạc đáng tiếc đó, cá-nhân không thể trốn trách - nhậm được, nhưng mấy cơ sau này cũng là những nguyên-nhân lớn đã đẩy họ làm việc « bỏ gốc, theo ngọn » ấy :

Vì hoàn cảnh gây nên. — Từ gia-đình đến xã-hội, chỗ nào cũng bị bao - phủ trong bầu không - khí « nhậu-tuần câu-thả », thiếu về « khoa-học-hóa ».

Đa dĩ, cái hiếu-thượng thiên-lệnh về hư-vấn đã hun - đúc người ta ngay từ khi còn tro g lòng mẹ, nên cái tính phù-phiếm càng ngày càng phù-phiếm thêm ! Tôi lúc lớn lên, mắt thấy, tai nghe nào ngồi văn-trưởng trong làng, nào địa vị « danh-dự » trong văn-giới, hết thảy mọi mặt đều khuyến-

khích người ta đồ xô vào một con đường thiên-trọng hư-vấn !

Phải, một thi sĩ lãng-mạn qua đời, vậy mà bao bài đếu-văn tang-bốc, bao lễ truy-diệu tán-duyng cái « sự-nghiệp » chỉ ngang với một bản đàn êm-tai, một mớ « rô khoan kéo gỗ »...!

Xã-hội đã quá thiên về việc cô-lệ thơ ca !

Một cuốn tiểu - thuyết « đầu cơ » viết trúng tâm-lý đại đa số trong xã-hội, được nhiều báo lớn tiếng ca-tụng, người ta liền coi tác-giả truyện ấy như một vị « cứu-tinh » có thể cõi gỡ ách-vận và thống - khổ cho dân - chúng ! Rất đối-lâm người tưởng làm chỉ có nghề viết tiểu-thuyết là một nghề duy-nhất có thể nâng người đời lên bậc bất-tử đáng tôn-sùng !

Xã-hội thật đã quá thiên về mặt khuyến-khích tiểu-thuyết !

Xin đừng hiểu lầm tôi có ý mạt-sát thơ ca hoặc tiểu thuyết đầu, tôi chỉ muốn rằng xã-hội cầm cân « cò-súy » đừng nên quá chúc về những mặt ấy, nhưng cần phải trọng cả mặt khoa-học nữa.

2) Do tình thế bắt-buộc. — Xứ này tuy đã đụng-chạm với văn-hóa tây-phương ngót một thế-kỷ, nhưng trước kia học tây mới chỉ là học làm con,

việc thông-dịch ; về sau, trình độ học có cao hơn thật song lại quá ham về mặt văn-chương. Rút cục, về thực-tế, vẫn chưa có gì ích lợi lớn cho đất nước !

Vả, lò đúc nhân-tài ở đây hãy còn thiếu-thốn !

Trường Cao-dẳng Đại-học Đông-dương tuy đã lập được ít lâu nay, nhưng mới chỉ có mấy ban như luật-học, y học và bào chế., chứ ban cao-dẳng khoa-học đến nay nào đã có đâu ? Vì thế, dầu ai có chí cầu học về mặt thực dụng, nhưng nếu không tiên sang du-học bên Pháp, cũng khó lòng đạt được nguyện-vọng !

Vì thiếu khoa-học, không kỹ-nghệ-hóa được xứ Đông-dương, nên hiện nay xứ này đã phải chịu một ảnh-hưởng không tốt : Từ khi ngọn lửa tranh-chiến bùng cháy ở Âu-châu, sự vận-lái hàng-hóa từ Chính-quốc sang Đông-dương phải trở-ngại ; nhất là từ sau cuộc đình-chiến, công-nghệ bên Pháp cũng kém sút, nên ở đây khó trồng cấy xứ ngoài cung-cấp cho như trước được. Còn Đông-dương? đã không tự-cấp nổi về mặt kỹ-nghệ, mà hàng ngoại-quốc lại khan, lẽ tất-nhiên giá sinh-hoạt phải đắt-dẻ, nhiều vật cần dùng phải túng thiếu !

Thời-thế đã mang lại cho ta một bài học kinh-nghiệm.

Thống-chế Petain đương cải tạo lại nước Pháp và Pháp-quốc hải-ngoại.

Ngày 26 Juillet 1941, Chính-phủ Pháp đã ra một đạo sắc-lệnh đình sẽ mở tại Hà-nội một trường Cao-dẳng Khoa-học (T. T. số 10, trang 10 đã nói sơ về tin này). Trường Khoa-học này sẽ dạy các khoa hóa học, tự-nhiên-học, vật-ly-học..., và sẽ cấp bằng khoa-học cử-nhân. Nhà trường lại còn lập ra những phòng thí-nghiệm để các giáo-sư, các học-sinh có chỗ nghiên-cứu khoa-học và phương-pháp ứng-dụng những điều đã phát minh.

Như vậy, thanh-niên ta sẽ không phải tốn tiền đi du học ngoại-quốc, cũng được may-mắn dễ-dàng mà thành-tài về khoa-học được.

Vậy, từ nay về sau, ta nên gây lấy khuynh-hướng về khoa-học, tạo thành phong-trào hiếu-thượng khoa-học, cũng như ta đã khuynh-hướng và hiếu-thượng văn-chương từ xưa đến giờ.

Các bạn thanh-niên ! Bạn có bản-năng, có sở-trường về khoa-học, xin cứ chuyên tâm chú ý về khoa-học, các-cung tận tụy cho khoa-học !

Các thi-nhân, các nghệ-sĩ, các tiền-thuyết-gia ! Các bạn nên lợi-dụng thơ văn hoặc tiểu-

thuyết mà giới-thiệu khoa-học, truyền-bá khoa-học, cổ-lệ tân-dương khoa học.

Các vị giáo-sư ở trường-học, các phụ-huynh trong gia-đình ! Xin các ngài hết lòng, hết sức khuyến khỉnh học-sinh và tử-đệ về mặt khoa-học nếu thấy họ có khiếu, có tài, có hứng-thú về môn học ấy.

Các nhà ngôn-luận ! Nên hiếu-dương, nên kỷ-niệm những nhà có công với khoa-học, đã hi sinh cho khoa-học.

Một khi trào lưu sùng-thượng khoa-học đã dần-dựa lan-tràn, học-giới việt-nam, tôi tin, sẽ rực-rỡ những tia sáng « tinh-hoa », ngát-ngào những bông thơm « tận thiện, tận mỹ »...

Một xã-hội tiến-hóa, là phải tiến cả mọi phương diện : từ âm nhạc, mỹ-thuật, văn-chương cho đến khoa học..., không một phương-diện nào là không tấn-tới, chứ không phải chỉ riêng tiến một mặt nào thôi. Nếu thiên-trọng bu vãn, tất phải sa vào cái nạn « vãn nhược ! » Muốn tránh cái nạn « vãn nhược » như các cụ ta xưa đã mắc, thanh-niên ta nay cần phải chú-trọng thêm về khoa-học là một lợi-khí duy nhất có thể dắt ta thoát khỏi những cái mơ-mộng viển vông, bắt tay làm những sự-thực cần-thiết.

Tôi mong, từ nay, ở xã-hội ta, khoa-học cũng như văn-chương..., được người ta yêu chuộng tôn thờ với lòng sốt-sắng, thành-thực.

HOA BẮNG

...Cần nên gây ngay lại khuynh hướng và hiếu-thượng trong học giới việt-nam : trọng khoa - học

Anh-hùng với dai-nhân

Quang - Trung và Ngọc - Hân Công - Chúa

Tam-Gia

*Tướng phong-thái, xót-xa đòi
đoạn,
Mắt rồng sao cách diễn lầu
nay ?
Có ai chốn ấy về đây ?
Nguồn cơn xin ngỏ cho hay
được dành...
(Ai-tự-vân)*

I

NĂM ấy là nam Bình-ngọ
(1786), tiết tháng sáu.

Ngày mồng sáu, Nguyễn-Huệ tiến đến bến Vị-hoàng, sai người mang mật-tấu dâng vua Hiến-Tôn nhà Lê để tỏ rõ ý tôn-phùng. Nhưng nhà vua cũng chẳng yên lòng; nhân-dân kẻ-chợ lại càng không yên lòng hơn nữa. Thế là một luồng gió kinh-khủng thổi rít khắp phố-phường; người ta thì nhau chạy trước, lếch-thếch mang theo nào hòm, nào đẩy, nào tay nải, không còn trật-tự gì. Ngoài một số ít người hoặc vì nhiều của quá tiếc không muốn dời, hoặc vì không có của liêu ở lại, đất Tràng-an chỉ còn những người mắc việc quan.

Ngày hai mươi sáu,

Quân kiên-binh, còn anh nào, cũng cố lách đám đông để ra ngoài ô. Vua Hiến-Tôn đang phải cảm; nằm trên sập rồng, giữa các hoàng-tử và hoàng-thân hoảng-hốt, ngoài cũng chẳng bình-tĩnh hơn. Thành đã vỡ. Tiếng reo-hò vang trời, lính Tây-sơn vào thành. Vua vẫn nơm-nớp. Chợt quanh ngoài tường, kia, lối-hố không biết bao nhiêu mũi dõ. Lính Tây-sơn đã vào đến trong. Các hoàng-tử cùng các hoàng-thân toan vực vua dậy để ra vườn sau đi trốn. Một ti-tướng mũ đỏ bước vào. Máu mọi người đông đặc lại. Nhưng viên ti-tướng kính-cần dâng tờ tâu của Nguyễn-Huệ đó thôi. Nguyễn-Huệ chỉ nói cho

người đến thỉnh-an và xin đến mai vào hầu. Không sử sách nào chép, nhưng xem xong, vua hẳn thở dài một cái khoan-khoái, mà có lẽ trong chốc-lát bệnh lui đi được nhiều.

Hôm sau Huệ vào hầu vua ở đền Vạn-thọ, có Nguyễn-hữu-Trình đi theo. Vua mở màn mời Nguyễn-Huệ vào gần sập. Huệ làm lễ : năm lạy, ba vái. Vua sai hoàng-tử dắt Huệ ra mời ngồi riêng một sập bên cạnh sập rồng, nhưng Huệ khiêm-tốn không dám ngồi; mãi tới khi vua dụ đôi ba lần, mới đến ngồi buồng chân một bên. Vua bấy giờ đã bảy mươi tuổi, lại thêm lo nghĩ quốc-chính, phần vì mình rồng mỗi mệt, nên yếu lắm, se-se cất tiếng ôn-tồn phủ-dụ. Huệ đứng dậy thưa cái bản-ý diệt Trịnh phù Lê của mình.

Vua lấy làm yên lòng, truyền pha chè uống rồi cùng Huệ đàm-đạo một lúc lâu, ngỏ ý muốn lưu Huệ lại giúp. Huệ nhận lời, đoạn lạy hai lạy xin lui. Trình theo ra.

Sau Nguyễn-hữu-Trình nói với Nguyễn-Huệ rằng :

— Minh-công lại đây, cốt giúp vua Lê cho nhất-thống; thần-dân ai cũng tưởng vậy. Nhưng gọi là nhất-thống, tất phải quyền-chính do tay Hoàng-thượng mới là thực-sự. Vậy nên chọn ngày làm lễ đại-triều đủ mặt trăm quan, Minh-công nói bực-bạch cho thiên-hạ biết, mới là chính-đạo.

Huệ cho là phải, nghe theo.

Ngày tốt là ngày mồng bảy, tháng bảy. Hoàng-thượng khai châu ở điện Kính-thiên, trăm quan vào châu. Nguyễn-Huệ đem tướng-sĩ tự cửa Đoan-môn đi vào, lạy năm lạy rồi tâu công việc diệt Trịnh, dâng sổ sách quân, dân, xin cất quan ra quản-trị. Bãi triều rồi,

Hoàng-thượng sai trăm quan tiễn Huệ ra ngoài cửa mới thôi.

Hôm sau, Hoàng-thượng phong cho Huệ làm Nguyên-súy, Phủ-chính đực-vận Uy-quốc-công.

Nguyễn-Huệ chịu phong, sai sứ vào điện tạ ơn nhà vua, rồi bảo Nguyễn-hữu-Trình :

— Ta đem mấy vạn quân, đánh một trận định được Bắc-hà, một thước đất, một tên dân đều là của ta, nếu ta xưng đế, xưng vương, làm gì chẳng được. Thế mà ta nhường đi, là xử hậu-tình với nhà Lê lắm. Còn như Nguyên-súy Quốc-công thì có ích gì với ta ! Để thường Triều-đình Bắc-hà định lấy quan-tước mà huộc ta chăng ? Nếu ta không chịu thì sợ Hoàng-thượng bảo ta là kiêu ; chịu mà không nói thì lại sợ người ta cho là mừng-mọi ; cho nên ta nói chuyện lại với người.

Cử-chỉ thật là đầy trung-hậu, đầy truân-thành ; ngôn-ngữ thật không thiếu lễ-độ, không thiếu khôn-ngoan. Nhưng Nguyễn-hữu-Trình cho là Nguyễn-Huệ không bằng lòng, bèn thác lời vua Hiến-Tôn mà rằng :

— Tôi nghe Hoàng-thượng có nói : Nhà trăm kiêu-bạc lắm, không lấy gì tặng cho Thượng-công được. Vẫn biết danh-tước nhỏ, có quý gì đâu ! Chỉ vì tục nước, trọng lễ, gọi là để kính cái bụng thành của Thượng-công mà thôi. Vả lại, ý Hoàng-thượng cũng nghĩ rằng tuổi đã già-cả, sợ khi Thượng-công về rồi, không nhờ-cậy vào ai được, nên có ý muốn kết thân với Minh-công, nhưng chưa dám nói rõ vì không biết ý Minh-công thế nào.

Nguyễn-Huệ bấy giờ đã có vợ rồi. Vợ là gái họ Phạm, quê ở Qui-nhơn, vốn chị em cùng mẹ khác cha với Bùi-đắc-Tuyên và Bùi-văn-Viết. Khi ấy, con lớn Nguyễn-Huệ đã bốn tuổi. Nhưng đến bây giờ, người ta còn ca-tụng chế-độ đa-thê, hưởng thời ấy ? Vả lại, Nguyễn-Huệ đang cái tuổi ba mươi tư, hẳn cho việc

Xem tiếp trang 23

ÔNG - ÍCH - KHIÊM

Nhật-Nham

ÔNG NG-ÍCH-KHIÊM là người Thanh-hóa, đỗ hương-cống, làm quan dưới triều Tự-Đức đến chức Thượng-tướng. Sự-nghiệp anh-hùng còn trường thọ với non sông.

Ôm cái trọng-trách tiểu phủ-sứ, tướng-quân đã từng có nhiều chiến-công oanh-liệt trên giải đất Bắc-kỳ. Bao phen đông chinh tây phạt, tướng-quân đã cứu đồng-bào khỏi vòng nước lửa. Xưa kia, trong những vùng mờ-mịt khói sài, công ơn quan Tiểu còn ghi trong ký-ức quần chúng.

Dưới triều Tự-Đức, giặc-giã nổi lên như ong, mà nhất là Bắc-kỳ luôn luôn làm nơi tung-hoành của quân chọc trời quay nước. Vì Bắc-kỳ là đất của nhà Lê cũ, nhân-dân còn nhiều người tưởng nhớ đến tiền-triều, cho nên những người muốn làm loạn, thường tự nhận là dòng-dõi nhà Lê, tôn làm minh-chủ để lấy cơ khởi sự.

Lại gặp lúc bên Tàu có giặc Thái-bình nổi lên chống nhà Thanh, bị thất-bại, dư đảng tràn sang Bắc-kỳ, cướp phá, quấy nhiễu: nhân gian nhiều nỗi lâm-than!

Nào giặc Tàu, nào giặc ta, quan quân phải luôn luôn đánh giặc, nếm trải bao nỗi nguy-hiểm gian-lao.

Năm Tân-Dậu (1861), tên Tạ-văn-Phụng mạo xưng là Lê-duy-Minh, dòng dõi nhà Lê, tự tôn làm Minh-chủ, dấy binh ở Quảng Yên, đem giặc khách ở ngoài bờ vào đánh lấy phủ Hải-Nh, rồi thông với giặc Tàu và giặc ta ở các tỉnh, quấy nhiễu các nơi. Quan-quân đi đánh, nhiều người bị hại.

Năm Quý-hợi (1863), quân giặc họp 500 chiếc thuyền ở đảo Cát-bà và ở núi Đồ-sơn, có ý muốn vào đánh đất Kinh-kỳ, nhưng chẳng may gặp bão, thuyền đắm rất nhiều. Quan quân ra đánh, bị giặc đánh tập hậu, phải bỏ chạy.

Tháng 6 năm sau (1864), quan Hiệp-Thống Trương-quốc-Dụng, quan Táo-Lý Văn-đức-Khuê, quan Tân-Tương Trần-huy-Sách và quan Chuông-vệ Hồ-Thiện đánh giặc ở Quảng-yên bị giặc giết mất cả, quan quân thua to, quân-sĩ thiệt-hại rất nhiều.

Tháng tư năm Ất-sửu (1865), quân giặc về cướp mạn Hải-Dương. Quan Tổng-thống Hải-an quân vụ Nguyễn-tri-Phương đón đánh, bắt và chém được rất nhiều. Ông Ích-Khiêm, khi đó, làm đốc-binh dưới trướng Nguyễn-tri-Phương, phá được quân giặc hơn mười trận. Giặc phải lui về giữ mặt Hải-ninh.

Tháng bảy năm ấy, Ông Ích-Khiêm cùng Đặng-trần-Chuyên đem binh ra Quảng-yên, ước với quan nhà Thanh ở Khâm-Châu để đánh lấy lại thành Hải-ninh. Quân giặc thua to, chạy ra bờ; quan quân đuổi theo, bắt được rất nhiều. Tên Phụng, tên Lược chạy mãi vào Quảng-bình, Quảng-Trị mới bị bắt đem về Huế trị tội.

Đến đây giặc Phụng bình.

Từ năm Kỷ-dậu (1849), ở Quảng-tây có tên Hồng-tú-Toàn cùng đồ-dạng nổi lên xưng là Thái-bình Thiên-Quốc, đánh phá các nơi. Triều đình Mãn-Thanh phải thiên đô đi nơi khác, ngại vàng củ nhà Thanh sắp xụp đổ!

May nhờ có bọn Tăng-quốc-Phiên, Tả-tôn-Đường và Lý-hồng Chương hết sức đánh dẹp, nên nhà Thanh lại thu-phục được giang-sơn. Hồng-lú-Toàn phải uống thuốc độc tự-lử, các tướng Thái-bình đều bị bắt.

Dư đảng của Hồng-lú-Toàn là bọn Ngô-Côn chạy sang nước ta: Trước còn xin hàng, sau đem quân đi tàn phá các tỉnh. Quan quân dẹp mãi không yên.

Năm Mậu-thìn (1868), Ngô-Côn chiếm đất Cao-bằng làm sào huyệt. Triều đình sai quan Tổng-Đốc Phạm-chi-Hương viết thư cho quan nhà Thanh xin quân Tàu sang tiêu trừ. Nhà Thanh sai phó-tướng Tạ-kế-Quý đem quân sang giúp. Quan Tiểu-phủ Ông Ích-Khiêm và quan Đề-dốc Nguyễn-văn-Thành hợp cùng quân Tàu đánh phá quân Ngô Côn ở Thất-Khê.

NHẬT NHAM
(còn nữa)

AI MUỐN BIẾT RÕ

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tượng, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-lát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

Bán ở nhà in « Du No d » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p 50 — Bản gốc: Âm 2p 50.

— Một nhà đại-văn-hào Ấn-độ vừa tạ-thế —

RABINDRANATH TAGORE

(1861 — 1941)

— NHÂN-NGHĨA —

III Tư - Tưởng

TAGORE là một nhà đại-văn-hào; cái đó đã dĩ nhiên. Tiên-sinh còn là một nhà đại-tư-tưởng.

Những thi-ca của tiên-sinh tràn đầy những tư-tưởng về tôn-giáo, về vũ trụ, về đời người. Nhưng những tư-tưởng này có vẻ cao-xa huyền-bí hay thâm trầm khuất-khúc có lẽ diễn thuật ra đây cũng không được nhiều hứng thú lắm.

Tốt hơn là ta nên biết những tư-tưởng của tiên-sinh về sự giáo-dục, về văn-minh đông-tây.

Chúng ta hẳn cũng đã biết ít nhiều những lý-thuyết của Montaigne, của Rousseau về sự giáo-dục, dựa vào thiên nhiên, nhiều hơn là vào sách vở học-đường.

Tagore cũng có lý-thuyết tương-tự như vậy gồm trong một bài diễn-thuyết đầu đề là « *Mon Ecole* » có in trong cuốn « *Personnalité* » (1). Tiên-sinh đã thực hành những lý-thuyết ấy bằng cách tự sáng lập và quản đốc ở làng (2) Bolpur gần Calcutta một học-viện, kêu là « Santiniketan » (3) nghĩa là « Hoà-bình viện ». Mấy chữ này đã bao gồm hết cả cái chủ-nghĩa « thế giới hoà-bình » mà

tiên-sinh hằng phụng-thờ tin-tưởng. Nhưng chính học-viện « Santiniketan » là nơi đề tiên-sinh thí-nghiệm và thực hành những tư-tưởng của tiên-sinh về sự giáo-dục.

Ở đây, những trẻ con phải làm những gì? Rất chú trọng về những môn vận-động, những môn mà tự nhiên bản tính và tạng phủ trẻ nó đòi hỏi. Tiên-sinh đề cho trẻ thả hồ leo trèo lên cành cây. Bàn chân là những khí-cụ rất tốt để đi trên mặt đất: tại sao lại đem bó chặt nó vào giày dép, để cho đứa trẻ không được hưởng cái thú đi đất? Vì những sự bó buộc ấy mà đứa trẻ nhà giàu sống trong một thế-giới không thiết thực bằng đứa trẻ nhà nghèo.

Không có văn-phạm, không có địa-dur gì cả; nhà thi-sĩ, giống như Rousseau, có ác-cảm với đại-đề các thứ sách. Tiên-sinh rói: « *Trẻ con phải được học một ông thầy sống hiền nhiên; sách vở ngăn-cản mất thiên nhiên; nó tức là một tấm da mà sự thực không thể chui qua được; nó tức là một thành-trị chắn lấy đời thực!* »

Tuy vậy, không phải tiên-sinh ruồng bỏ hết các thứ sách: người ta vẫn có thể đọc cho

học-sinh một đoạn văn của Browning hay Shakespeare, nhưng chính ông thầy phải đọc và nói làm sao cho họ hiểu cái hay, cái thú vị của đoạn văn ấy, chứ đừng đề cho họ dùng những sách có sẵn những lời diễn-giảng phê bình.

Tiên-sinh lại đề cho học-trò trong trường mình được dự một phần vào sự sáng tác những văn phẩm của tiên-sinh. Chính cuốn « *Gitanjali* » đã viết ngay trong trường, trước mặt học trò; vả lại, phải nhiều những kịch bản của tiên-sinh, cứ thầy viết ra đến đâu, thì trò ngâm nga cùng đọc đến đấy.

Những trò nhỏ trong trường thì chia ra làm ba bọn, mà bọn bé nhất chính là bọn « hay » nhất: chúng cũng hơi hợp bầy-tình, chúng cũng xuất bản một tờ báo có tranh ảnh, chúng tự cai trị lẫn nhau.

Chủ-trương của tiên-sinh về sự giáo-dục còn nhiều điều nữa, nhưng đại-đề những khoản quan-trọng thì đã tóm tắt như trên này. (4)

Muốn hiểu quan-niệm của Tagore về văn-lóa đông-tây, thì trước hết phải đọc quyển « *Nationalisme* » của tiên-sinh. Trong đó, tiên-sinh thu nhặt mấy bài diễn-thuyết mà tiên-sinh đã đọc ở Mỹ và N ật (bản dịch ra pháp văn năm 1925). Sách chia làm ba phần: 1) chủ-nghĩa quốc-gia ở Tây-phương; 2) chủ-nghĩa quốc-gia ở N ật bản; 3) chủ-nghĩa quốc-gia ở Ấn-độ.

Tiên-sinh đã phác-họa cái văn-minh Âu-châu đại khái như sau này :

1) Văn-minh ấy là sự tranh-dấu của Người với Tào-hóa — Người cố sức tìm cách chinh-phục Tào-hóa; Người phát-minh ra khoa-học rồi đem thực-hành khoa-học mà chế ra máy móc. Vì máy móc, mà Âu-châu nghiêm nhiên làm bá-chủ hoàn-cầu. Nhưng cũng vì máy móc mà Âu-châu đến nỗi sinh ra đâm chém giết hại nhau.

2) Văn-minh ấy bao hàm một chủ-nghĩa quốc-gia tuyệt-đối. — Ở Âu châu, chủ-nghĩa quốc-gia được tôn sùng một cách trệt-đề; một con sông, một ngọn núi cũng đủ chia rẽ những dân-tộc đáng lẽ phải quây quần yêu mến nhau. Còn chủ-nghĩa quốc-gia hẹp hòi ấy thì còn có chiến-tranh; còn có chiến-tranh thì còn có nước phải diệt-vong.

3) Văn-minh ấy xu-hướng theo chế-độ « tư-bản chuyên-chế » (tyrannie capitaliste). — Vì thế có những chuyện lao-tư xung-đột.

Tóm lại, tiên-sinh có ý kiến bại-bất-phục-văn-minh Âu-châu như vậy đó.



Nhưng theo ý riêng tôi, mấy bài diễn-thuyết thu thập thành sách ấy chưa thú vị bằng một hai cuốn mà tiên-sinh đọc ở Paris, khi sang du lịch Âu-châu vào năm 1921. Bài ấy đầu đề là « *Le Message de l'Orient* » (lời tuyên-cao của Đông-phương) đăng trong tạp-chí « *La vie des Peuples* » (5), đại khái có thể chia ra mấy đoạn

như sau :

1) Sự đụng chạm của Tây-phương với Đông-phương. — Tây-phương đã đem đến những gì cho Đông-phương? « Sự người Âu-tây sang ở Đông-phương ngày nay là một sự dĩ-nhiên. Người Đông-phương chúng tôi nhờ sự gần gũi đó mà có được lợi tí gì là nhờ cái nhân-đạo của Tây-phương. Chứ đem pháp-luật sang, đem chính-trị, võ bị sang, cũng chưa đủ. Người ta còn cao hơn cả những cái đó ».

Tagore có g-kích cái thuyết của Rudyard Kipling. « Chúng ta nghĩ đến thế thời hiệu ngay rằng nhà thi-nhân Tây kia thấy Tây-phương với Đông-phương cách-biệt nhau mà nói rằng « Đông là Đông, Tây là Tây, hai bên đó không bao giờ gặp nhau », là chưa nghĩ chín. Vẫn biết rằng hiện nay Đông-phương với Tây-phương chưa sẵn lòng gặp nhau thôi. Nhưng lẽ đó là bởi Tây-phương từ xưa đến nay chưa từng cho ta cái nhân-đạo của Tây-phương bao giờ; mới cho ta cái máy móc mà thôi. Cho nên câu nói của nhà thi-nhân kia nên sửa lại thế này mới phải : « Người là người, máy là máy, hai cái đó không bao giờ hợp nhau ».

2) Công-kích chủ-nghĩa máy móc. — Tagore lấy tỉnh Calcutta của tiểu-sinh làm thí dụ. Mới hồi nào, ở chỗ đó, chỉ có một giải tràng-giang uy-nghi lẫm liệt, thế mà nay, hai bên bờ sông urban-nhân những nhà máy làm bị gai Tiên-sinh công-kích sự kỹ-nghệ-hóa, sự cơ-khí-hóa ấy.

3) Lý-tưởng tư-do ở Tây-

phương đã kém sút. — Tagore kể lại những cái mắt thấy trong khi đi du-lịch Âu châu, đề chứng-thực điều đó.

4) Sức mạnh vô-hình của kẻ yếu — Tây-phương chỉ biết có đục-vong để-quốc; nhưng « Tây-phương không hiểu rằng nhờ khoa-học mà có cái sức mạnh vô-cùng, cũng bị khoa học cám-dỗ đến tự mình hại mình, ra quyết đấu với những kẻ yếu hèn, không biết rằng những kẻ ấy đã có Thượng-đế âm-trợ vậy ».

Đây, đại-khái « lời tuyên cáo » của Tagore như vậy. Đối với những lời buộc tội khắt-khe ấy, lẽ nào Tây-phương im lặng? Vì thế mà có bài « *Lời đáp lại của Tây-phương* » của bác-sĩ Maurice Croiset, giáo-sư trường đại-học Paris, cũng đăng trong tạp-chí « *La Vie des Peuples* ». (6)

Ông Maurice Croiset lên tiếng bênh-vực Tây-phương như thế này :

1) Tây-phương đã có công-lao to-tát với nhân-loại là : trừ bỏ cái tục súc-nô (esclavage).

2) Máy-móc không phải là đáng công-kích. Một thí-dụ : ở Nam-Mỹ, nhờ có máy làm bông, nên mới bỏ được sự dùng bọn hắc-nô trong công việc làm bông.

3) Tây-phương còn có một lý-tưởng lớn-lao : lý-tưởng nhân-loại bình-đẳng.

4) Tây-phương hằng-hải tìm đường học-vấn, nhiệt-tâm tìm tòi sự thực.

5) Còn về sự Tây-phương đi chinh-phục những nước kém yếu, cũng là do cái luật thiên-

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

« Mỗi chức-nghề, mỗi nghề,
« sẽ có một phái thượng-lưu.
« Ta sẽ hết sức khuyến-kích
« sự đào-tạo các phái ấy trong
« phạm-vi từng địa-phương
« một ».

nhân của Tạo-hóa : người ta cần phải lợi-dụng những tài-sản thiên-nhiên của tạo-vật, ở đâu có thì phải biết lợi-dụng, không nên bỏ phí.

Tagore « tuyên-cáo » với Tây phương, rồi giáo sư Maurice Croiset « đáp lại » : đây là chuyện xảy ra từ năm 1921.

Đến năm 1934, đến lượt Tây-phương lên tiếng rồi Tagore đáp lại.

Tôi muốn nói đến quyển « Civilisations » do Hội Vạn quốc xuất-bản năm 1935. Quyển ấy chia làm hai phần : phần thứ nhất, dưới đầu đề « Orient Occident », có in bức thư ngày 17 Aout 1934 của ông Gilbert Murray, giáo-sư trường đại-học Oxford (ở nước Anh) gửi cho Tagore và bức thư tiên-sinh đáp lại ngày 16 Septembre 1934. Còn phần thứ hai, dưới đầu-đề « Génie du Nord-Latinité » cũng có hai bức thư trao đổi giữa hai ông Josef Strzygowski và Henri Focillon.

Bức thư của giáo-sư Gilbert Murray, lời lẽ rất hay và cảm-độ g. vừa bình vực khéo-léo chủ-nghĩa cơ-khí, vừa ca-tụng văn tài lỗi-lạc của tiên-sinh, kêu gọi tiên-sinh cùng hợp-tác với các nhà đại-tư-tưởng, đại-văn gia, đại-bác-học trên

thế-giới để phụng-sự nhân-loại, không kể đến sự phân-chia chủng-tộc, quốc-gia, giống-nòi. Tagore đáp lại mọi cách thống thiết, đại-khải nói rằng tiên-sinh cũng muốn hưởng-ứng lời kêu-gọi ấy, ngặt vì xưa nay Đông phương vẫn phải nhìn Tây-phương bằng con mắt nơm-nớp lo sợ, v.v....

Ngày nay Tagore tiên-sinh đã mất, chúng tôi chỉ lấy tư-cách « khảo-cứu » mà thuật lại một phần nhỏ trong tư-tưởng của tiên-sinh, không dám và cũng không đủ tư-cách phê-phán phẩm-bình gì.

Tuy vậy chúng tôi cũng muốn kể lại câu chuyện dưới đây, để chấm hết cho niên khảo cứu này :

Năm 1924 Tagore sang du-lịch Trung hoa, có diễn thuyết ở Bắc-bình. Lần diễn thuyết thứ nhất, không xảy ra chuyện gì cả. Đến lần sau thì thấy truyền đơn phát từ tung, công kích thuyết phản đối cơ-khí của Tagore, đại khái nói rằng : chính

vì chủ-nghĩa cơ-khí mà Tây phương phú cường như thế ; chính vì không biết sức mạnh của cơ-khí, nên Trung-hoa mới điêu đứng như ngày nay. Vậy thì công-kích cơ-khí là câu chuyện bất-hợp-thời, v. v...

Sau đó mấy ngày, Tagore tiên-sinh đi Thượng-hải, xuống tàu về thẳng Ấn-độ, không ghé lại Đông-dương như đã định trước. Mãi đến năm 1929, tiên-sinh mới lại có dịp đến thăm nước ta.

NHÂN-NGHĨA

(1) « Nam-phong » (Juillet-Septembre-Octobre 1924) có lục đăng bản Pháp-văn và dịch ra quốc-văn.

(2) Trong bài « Tiểu-sử Tagore » viết nhằm là « tỉnh Bolpur ».

(3) Có chỗ chép là « Santhanike-thanam » (như cuốn sách nhỏ xuất-bản ở Saigon năm 1924).

(4) Về học-đường Santiniketan, xem thêm bài diễn thuyết của ông Sylvain Lévi ở Hội Địa-dư Paris, có lục-dăng và dịch ra quốc văn trong Nam-phong (Janvier-Juin 1925).

(5) « Nam-phong » đã dịch ra quốc văn (Juin 1924)

CÁC BẠN NÊN ĐỌC

đời tài hoa

Tập lịch-sử ly kỳ nhất của cụ Thủ-khoa Nguyễn-Hàm-Ninh

bạn đồng bệnh của ông Cao - Bá - Quát

do ông NGUYỄN - VĂN - ĐỀ soạn

ông DƯƠNG - TỰ - QUÁN duyệt

Trong sách chia làm 5 mục : lịch-sử cụ, tác-phẩm cụ, chuyện cụ với ông Cao-Bá-Quát, ông Tùng-Thiện-Vương với cụ, cụ với các bà chúa Thường-Sơn, Lại-Đức. Dưới sách in tự tích cụ, có lần chữ ông Cao-Bá-Quát, ông Tùng-Thiện-Vương.

Giá 0p.35 - Bán ở hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông Hanoi (mua 1 quyển giả bằng tem cũng được, nhớ thêm tiền cước thường 0p 06)

Số 2

PHONG-DAO

Chia loại và giải nghĩa

HOA-BẰNG

Trong bảng chia loại phong-dao đã đăng ở Trị-Tân số 3, tôi đặt chương « Nông-dân với kinh-tế » lên đầu, nhưng nay vì một cố riêng, chưa thể đi theo cái bố-cục đã vạch sẵn ấy được.

Nay xin đổi lại thứ-tự, « đặng » chương « Nông-dân với nhân-sinh triết-học » đi trước, rồi cho ra mắt các bạn dần dần.

Trong khi viết tiếp, tôi cứ tùy nghi mà thêm, bớt hoặc sửa đổi lại cái bảng chia loại ấy cho được thích-hợp hơn, chứ không cần-nệ buộc phải theo đúng bố-cục trước. Mong rằng các bạn đọc thân gần, hãy thấy chỗ nào khuyết điểm, xin cứ làm ơn chỉ-giáo cho.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Nông-dân với nhân-sinh triết-học

Tiết một

LUÂN-LÝ ĐỐI VỚI BẢN THÂN SIÊNG-NĂNG

Đức-tính siêng-năng của nông-dân thật đã tỏ rõ ở trong công-việc đồng-áng. Với hai bàn tay lúc nào cũng thường làm, trong họ có những sinh-sản-lực đáng quý-báu, đáng biêu-dương.

Ngoài việc nông tang, chài lưới, họ cũng không sao-nhãng những bổn-phận đối với bản-thân, đối với gia-đình, đối với xã-hội.

Thân em như lá đài-bì,
Ngày thì dãi nắng, đêm thì
dầm sương.

Với tấm thân cứng-cáp, rắn-rỏi, chịu-đựng và nhẫn-nại ấy, họ cứ hăng-hái làm việc dưới sức bức-bách dọ-nạt của nắng đốt thịt, sương cắt da. Vì họ nghĩ ;

Có khó mới có miếng ăn,
Ngồi dung ai dễ mang phần
đến cho ?

Phải, chúng ta « phải làm đồ mồ hôi trán mới có cái ăn », chứ giữ tính ỷ-lại, ngồi gửi hi-vọng vào « gốc cây sung » thì chẳng những không thể kiếm được miếng ăn trong sự ư may hú-họa, mà lại mang tiếng là lười biếng, là ngu-xuẩn nữa.

Muốn cho được việc trong khi có dịp thuận tiện đưa đến, người ta cần phải lo xa một chút, dự-bị sẵn-sàng. Như vậy đối với những việc thịnh-linh xảy tới, mình cũng có đủ cách ứng-phó, không đến nỗi bối-rối, nhỡ-nhàng. Người siêng-năng có con mắt nhìn xa, thấy trước ấy có thể mát-mẻ những kẻ không biết dự-bị làm việc :

Ngồi rồi, sao chẳng se gai,
Đến khi có cá, mượn chài, ai
cho ?

Đã lo xa, đã dự-bị tiến-thủ, thì dẫn :

Một mình vừa chống, vừa chèo,
Không ai tát nước đỡ chèo một
khi,

Người siêng-năng bao giờ cũng cứ hăng-hái làm việc, không tị-nạnh với ai, không trông cậy vào lưng ai, nên rồi cũng thành công, hái được kết quả tốt đẹp :

Có công mài sắt, có ngày nên
kim.

Những nhân-vật có đức-tính tốt ấy, tôi xin giới thiệu vào mục « siêng-năng » này.

Chồng chài, vợ lưới, con câu,
Sống Ngõ, bề Sở, biết đũa là
nhà !

Thề phứa. Đó là tả một gia-đình ngư-ông, cha con vợ chồng đồng lao, cộng tác trong nghề chài lưới.

« Chài lưới » và « câu » đây đều là ba tiếng động-từ. Đánh cá bằng cái lưới hoặc cái giùng (thứ lưới to) gọi là chài lưới. Kiếm cá bằng lưới câu, giăng cước và cái cần gọi là câu. Trong công việc kiếm cá, duy có câu là nhẹ-nhàng và dễ làm hơn : dù trẻ bé cũng có thể câu cá được.

Xem thế đủ biết, khi chia việc, người ta đã theo cái tỉ-lệ mà phân-phối cho từng người khiến ai nấy tùy theo sở-năng mà làm hết phận-sự.

Một gia-đình nhà chài kiếm ăn trên mặt sông bề, nay đây mai đó, lênh-dênh trước gió, dướ mây, còn có nhất-định lấy đâu làm nhà nữa ?

Trời mưa Trời gió ! long long
Cha con ông Sùng đi gánh phân
trâu

Đem về trồng bí, trồng bầu,
Trồng hoa, trồng quả, trồng
trầu, trồng cau ..

Thề phứa. Đó là bức tranh tả chân cái cảnh cần-lao chăm chỉ của một gia - đình nông - phu, chủ - nhân tên là Sùng, đang hăng-hái làm phận-sự

Nước ta xưa, lấy nghề nông làm căn-bản. Nông vẫn có thể tự hào mà nói với sĩ rằng : « Hết gạo, chạy rông : nhất nông, nhì sĩ ! »

Phải, nông đáng nhất thật, trời đang mưa ào ào, gió đang thổi dào-dào, thế mà ông Sùng — một người tiêu-biểu của nhà nông — long-tong, tất-tả cùng con xông-pha mưa gió, đi gánh phân trâu đem về làm đồ bón cho hoa màu, cho vườn ruộng. Trước tấm nhiệt-thành tận tụy

với thiên-chức ấy, ai chẳng cảm động, tôn-sùng ?

« Bần, bi » đều là những thứ dùng làm đồ ăn

Phong-dao thường có những câu nói về bần, bi như :

Cắt giấy bần, giấy bi,

Chữ ai cắt giấy chì, giấy em ?

Và :

Bầu gia thì vớt xuống ao,

Bi già đóng cửa làm cao lấy tiền.

Lại như :

Bần ơi ! thương lấy bi cùng :

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Ai đem em đến chốn này ?

Thức khuya, dậy sớm, mắt cay như gừng !

Thề phú. Phong-nhân tả một bạn gái đi lam dâu hoặc « bị đầy » vào một gia-đình cay-nghệt nào, vì phải làm-lụng nhiều, vất-vả quá, lúc nào cũng « đói »

ngủ đến nỗi « em » thường cay mắt, như ăn phải gừng cay !

Nếu là người chủ-động tự thân, thì hai câu ấy có ý oán-trách kẻ đã đặt mình vào cảnh-ngộ « giấm chua lửa nong » ấy khiến mình phải vất-vả, khó-nhọc, khổ-sở như thế này...

Nếu là người ngoài thấy cảnh một « em » phải thức khuya, phải dậy sớm, phải mắt cay đỏ mà phát ra mấy câu trên, thì là những lời cảm cảnh và phản-nản cho số-phận người vất-vả ấy !...

Ngày ngày hai bữa cơm nèn !

Còn gì má phấn, răng đen, hỡi chàng ?

Thề phú. Đây là lời một thiếu-phụ nghèo phải lẩn-lộn làm ăn, không chăm giữ được sắc đẹp lên tiếng than-vãn cùng chồng.

Xưa, phụ-nữ ta lấy hàm răng đen nhánh làm đẹp, nên các cô

lớp trước thường tỏ nguyên-vọng trong những câu : « *Lấy chồng cho đáng tấm chồng, bỏ công trang-diễm má hồng, răng đen* ». Mà quan-niệm của phái mạnh xưa đối với sắc đẹp cũng khác bây giờ. Các cụ ông xưa vẫn cho bộ « răng đen » là tiêu-biểu cái đẹp của đàn-bà Việt-nam, nên các cụ mới « cảm » trước vẻ nên thơ của cái đẹp ấy : « *... Bốn thương răng nhuộm hạt huyền kềm thua* ».

Vì xưa đã lấy « răng đen » làm tiêu-biểu cho cái đẹp của đàn-bà, nên trong hai câu trên, người thiếu-phụ cũng « phân-bua » và « phản-nản » cùng chồng :

— Chàng ơi, em đây hết ngày này qua ngày khác, sáng nào cũng phải dậy từ gà gáy, đêm đến, hết trống canh một mới về đến nhà, rồi mười bữa như cả một chục, em cứ phải ăn cơm dưới ánh đèn mù-mờ ! Gái này đã vất-vả nhọc nhằn trong việc sinh-nhai như thế này thì, chàng tính, còn gì là má phấn ? còn gì là răng đen ? còn gì mà không giảm sắc xuân, kém vẻ đẹp nữa ?

Chẳng hay, trước những tiếng than-thở thành-thực ấy, anh chồng có cảm-động không ?

Tin văn hằng tuần

Đồng-dương

Đạo sắc lệnh ngày 20-3-1941 nay đã ban hành :

Cấm truyền bá, công bố bất cứ bằng cách gì những tin tức quân-sự mà chánh-phủ không công bố, những tin tức có liên lạc đến lực hải-không-quân, việc phòng thủ thụ-động, những khí cụ của nhà binh dùng hay đang mua, việc chế tạo và tiếp tế lương thực ở đất thuộc Pháp. Ai phạm sẽ bị nghiêm trị.

Ngày 18-8-1941 quan Toàn-quyền đã ký nghị định ban hành tại Đồng dương đạo sắc lệnh ngày 26-7-1941 định việc cấp thẻ nhà nghề cho những nhà làm báo có đủ điều kiện

Hội đồng sản xuất kỹ nghệ đã họp lần đầu ở Hanoi để định phương-pháp mở mang kỹ nghệ tại Đồng-dương.

Tại Saigon, phòng du-lịch Nhật đã tổ chức một buổi chiếu bóng về các phong cảnh Nhật, và tình hình Nhật kị-ty. kỹ nghệ, Mỹ thuật.

MỜI CÓ BẢN

Sách của QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

NGƯỜI LỊCH - THIỆP

Một cuốn sách mà ai cũng phải có trên đầu giường, trên bàn giấy, trong tủ sách, trong va-lý lữ-hành.

Bìa hai màu, trình bày mỹ-thuật Giá 0p.65 ĐƯƠNG IN

TÂM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Một bộ từ-điển chưa từng có trong văn-khố Việt-nam, đọc ham, vui, thú vị khác hẳn các bộ từ-điển khác phạm văn-nhân học-giả ai cũng phải đọc để hiểu rõ quốc-văn và văn-chương Việt-Hán.

Dày noát 400 trang có chưa chữ Hán Giá 2p.80

Có in một số sách bằng giấy bouffant hảo hạng, bìa vải chữ vàng dành riêng cho các bạn đặt mua trước, 5p 00 một bộ. Ban nào muốn có bộ sách quý giá này xin cho biết và trả tiền (5p 00) trước ngày 15 Septembre 1941 mới có sách.

Thư mua sách gửi cho M. LÊ-VĂN-HỒE

Giám đốc Quốc-học Thư-Xã

16 bis rue Tien Tsin-Hanoi

Hai phép quân phân điền, thổ: *Tĩnh - điền, thiên - mạch*

TRUNG-HOA là một dân-tộc văn-minh trước nhất, biết sự cày-cấy giồng-giọt đã lâu; nhưng về đời thượng-cổ chỉ biết phá rừng hoang khẩn thành đất ruộng, chứ chưa biết sự đo-đạc, quân-phân.

Đến đời nhà Hạ (thế-kỷ 23 đến 18 tr. T. C.), nhà vua mới định ra cách-thức đo-điền: nhà Hạ đặt ra mẫu (ước chừng 3 600 thước vuông tây) gian (mỗi gian ước độ 18 000 thước vuông) và tô (mỗi tô độ 1 800 000 thước vuông). Lại định quân-phân như sau đây: nhà nước cho phép chín nhà khẩn một tô. Những ruộng đất mà chín nhà cày-cấy ấy làm, hoa-lợi trong một năm phải đem chia làm mười phần: một phần về nhà vua. Phần ấy gọi là « công », tức là thuế một phần mười (chữ la-tinh là *décima pars*), tương tự như cách lấy thuế *dime* (1) ở nước Pháp về đời Trung-cổ (moyen âge).

Đến nhà Thương (thế-kỷ thứ 18 đến 12 tr. T. C.) và nhà Châu (thế-kỷ thứ 12 đến 3 tr. T. C.) lại đặt ra phép *Tĩnh điền* (井田). Theo phép này, thì chia ruộng làm chín phần, những phần ấy giáp với nhau thành ra chữ « tĩnh » (井). Ruộng ở giữa chữ « tĩnh » là của nhà vua; còn ruộng ở chung quanh là của các chủ điền thuộc tám nhà. Tám nhà ấy vừa làm ruộng cho mình, vừa phải trông-nom thửa ruộng ở giữa của nhà vua, mỗi năm phải nộp hoa-lợi vào kho cho nhà-nước.

Phép đo-điền của nhà Thương lại định rằng: mỗi « tĩnh » phải có hơn 630 mẫu ruộng. Như thế, mỗi nhà có thuê cày-cấy ít ra 79 mẫu mà 9 mẫu về của nhà vua. Về sau, số ruộng có tăng lên, mỗi « tĩnh » có đến 900 mẫu. Mỗi nhà được cày-cấy 100 mẫu

mà nhà vua cũng được 100 mẫu.

Đời nhà Châu lại định lệ; phạm trảng đình từ 20 tuổi trở lên có thể thay mặt cho họ mà nhận cày-cấy một phần chín của « tĩnh », chỉ phải mỗi năm nộp « công » cho nhà vua thôi. Phần ruộng ấy, người trảng-đình kia được phép làm cho mãi đến 60 tuổi, rồi mới phải nộp lại ruộng giả nhà-nước. Còn từ năm 60 tuổi trở đi thì người ấy được thân-nhân nuôi dưỡng.

Đời Minh - Mệnh bản-triều (1820-1840) ông Doanh-diên sứ Nguyễn-công-Trứ (người Uy-viên, tỉnh Hà-tĩnh) cũng theo phép *tĩnh-điền* mà lập ra 2 huyện Kim-sơn, Tiên-hải ở Ninh-bình

Theo phép của nhà Châu, ruộng đất quân-phân rất đều mà không sinh ra sự tranh-cạnh. Tuy nhiên, lúc ấy cũng đã có nhiều kẻ tham-nhũng, lạm thu hay bớt số ít nhiều, nhưng dân-sự không đến nỗi vất-vả, còn được hưởng chút lợi-quyền do công mồ-hôi nước mắt. Nhờ gặp phải khi mất mùa đói kém, nhà vua lại mở kho lúa (lúc ấy là thuế « công » ở nhà « tĩnh » hằng năm nộp vào) mà chu cấp cho. Sự sinh-hoạt của dân vì thế không đến nỗi khó-khẩn.

Đến đời Xuân-thu, Chiến-quốc, chư hầu phân tranh, xưng hùng, xưng bá, dân-gian bị tàn phá. Những nhà làm ruộng không yên một việc làm ăn! Tiền thuế « công » nhà-nước thu, chỗ thì nộp, chỗ thì bỏ. Một viên quan nước Ngụy là Lý-Khôi mới định bãi hết cả phép nhà Châu mà cho dân-gian được tùy mình cày-cấy.

Đến lúc nhà Tần nhất-thống Trung-quốc, quan Tề-tướng là Thương-Ưng (hay Thương-quân) sau khi xem xét lại điền thổ trong nước, bèn bỏ phép *tĩnh-điền* mà đặt ra phép *thiên-mạch*.

Theo phép *thiên - mạch* của

Thương-quân, thì ai muốn làm ruộng cũng được phép tùy theo ý mình mà làm, nhà nước không bắt-buộc gì cả.

Phép *thiên-mạch* đã đánh đổ phép *tĩnh-điền* đời Thương-cổ. Từ đó, sự quân-phân điền thổ mỗi ngày một bấn cải, gây ra bao mối tranh-dành, kiện cáo truyền mãi đến nay! TIỄN-ĐÀM

(1) Dime là thuế một phần mười mà dân, nước Pháp đời Trung cổ (moyen âge) phải nộp cho ông sử-quân (Seigneur) hay nhà giáo (Eglise).

Một buổi họp của Hội Truyền Bá Quốc Ngữ

Tối thứ sáu 29 Aout 1941, hồi 8 giờ, hội Truyền Bá Quốc Ngữ đã họp tại hội quán Trí-Trí Hanoi, cốt để trình bày những công việc ban dạy học đã làm, đang tiến và sẽ thực-hành. Sau mấy lời ông Hội-trưởng Nguyễn-van-Tổ khai mạc buổi họp bằng cái giọng niềm nở vui vẻ ta vẫn được nghe mọi khi, ông Vương-kim Toàn, trưởng ban dạy học, nói về cách tổ-chức khóa học thứ 7. Theo ông mà ta cũng rõ cả — thì hội T. B. Q. N đã đi một bước dài, khóa học này sẽ gồm ngót 70 lớp học ở tám-mác khắp thành phố Hanoi và các mền lân cận (tất cả 24 khu), có thể dạy được trên 3 nghìn người học trở, phần nhiều học ở các trường công tư. Hội lại vừa huấn luyện xong hơn 300 bạn trẻ nam nữ đã vui lòng hi sinh nhập vào ban giáo viên để dạy dỗ lớp người thất học.

Hội đã tìm được chỗ dạy, thầy dạy. Còn cách dạy làm sao cho học trò học trong ít thì giờ mà chóng biết, lại có hứng thú trong khi học, đó lại là một vấn đề mà ông Nguyễn-văn-Đang đã nói lời ông Toàn nói cho thính giả nghe. Ông Đang bày tỏ cái phương pháp mới trong việc dạy bằng quyền « văn quốc ngữ » hội vừa làm xong. Phương pháp ấy, theo ý ký giả trước đã từng giữ cái trọng trách giáo dục đàn em trong 8 năm giờ, thực là hợp thời và tối nhất từ trước đến giờ, nên ký giả mong rằng từ nay ai có con em mới bắt đầu học vỡ lòng nên theo cái phương pháp đó. K.S.

CŨNG là một công-thần nhà Nguyễn trung-hưng tự đầu thế-kỷ thứ 19 mà ta quen gọi là ông Long hay Chương tau Long.

Xét trong *Đại-Nam chính-biên liệt-truyện sơ-tập* soạn xong từ đời vua Tự Đức thứ 5 quyển 28 tờ 9 thì chỉ mới biết được Nguyễn-văn-Thắng là quản tàu Long-phi, người nước Pha-lang-sa tên Ba-ni-ê (1) (Vannier) theo Bácn-đa-Lộc (Evêque d'Adran) sang giúp chúa Nguyễn-Ánh.

Quyển *Gia-định thông-chi* của Trịnh-hoà-Đức soạn từ đời vua Minh-Mang không thấy nói đến một tên nào và cũng không nói đến cả đức thầy Bá-đa-Lộc.

Xét *Đại-Nam chính-biên thực-lục* đệ nhất kỷ, quyển IV, tờ 15 và 16, cũng chỉ thấy chép hai tên. Nguyễn-văn-Thắng và Nguyễn-văn-Chấn (2) một cách mập-mờ!

Trong cuốn *Việt-Nam sử-lược* của ông Trần-trọng-Kim, xuất bản năm 1920, tập thứ nhì, trang 132 chép hơi rõ-ràng hơn: Chaigneau là Nguyễn-văn-Chấn chúa tàu Long và Vannier Nguyễn-văn-Thắng chúa tàu Phụng... (3)

Sau phải xem đến cuốn *« Souvenirs de Hué »* của Michel Đức và các tài-liệu khác của M. A. Salles và cố Cadlière trong mấy tập B. A. V. H. 1917, 1920, 1922 và 1923 cùng sách của Louvet và Faure viết về Bá-đa-Lộc thì mới biết được rõ-ràng và chắc-chắn: Nguyễn-văn-Thắng tức là JEAN-BAPTISTE CHAIGNEAU.

J-B Chaigneau sinh tại Lorlent ngày 8 Août 1769. Cha là Alexandre-Georges Chaigneau (1723-1786) làm hàm-trưởng các tàu hàng-hải của Ấn-độ công-ty và là nhà thế-phiệt ở miền Bretagne bên Pháp.

Năm J.B. Chaigneau mới 12 tuổi, hôm 14 Avril 1781, đã đăng xuống chiếc tàu binh vận-tải Necker được nửa năm, sau một trận thủy-chiến chống-trọi kịch-liệt với một chiến-hạm Anh là *Petit Annibal*. Ngày 25 Octobre 1781 J-B. Chaigneau bị bắt về giữ ở Ste Hélène ít lâu, rồi lại được tha về Lorient.

Đến Avril 1782, J-B. Chaigneau xuống dưới tàu chiến *Ariel*, rồi đến Août 1784 thì lại sang tàu chiến *Subtile* đi Quảng-châu và Manille.

Ngày 9 Septembre 1791, lại xuống tàu *Flavie* là một chiếc tàu buôn lớn có đặt súng. Sau khi tới Áo-môn thì J-B. Chaigneau mẫn và thôi hẳn. Vì đã có lời đức thầy khuyên đủ và nhiều người tây khác nói vào, nên J-B. Chaigneau quyết chí sang nước Nam phò chúa Nguyễn.

Đầu tháng Avril 1793 (Quý-sử), J-B. Chaigneau đến Sài-gòn, song không gặp Bá-đa-Lộc, vì đức thầy đã cùng đông-cung Cảnh và Ollivier ở cả Nha-trang. Còn người hạn thiết là Laurent Barizy (4) nữa, cũng không gặp, vì Barizy phụng mang đi Malac và Poulo-Penang để mua súng đạn, nên J-B. Chaigneau đành phải ở lại Sài-gòn đợi.

Lúc bấy giờ Chúa Nguyễn-Ánh cũng đã có nhiều thủy-quan người Pháp dưới trướng là bọn Dayot và Vannier (5-6).

Năm sau, Victor Ollivier là ông Tín phụng mạng đi Áo-môn mua khí-giới J-B. Chaigneau cũng theo đi. Cũng vì thái-độ các quan ta khó chịu, nên tháng Juin 1795, Jean-Marie Dayot từ chức mà bỏ đi Áo-môn cùng chuyến tàu ấy. Thế là khuyết

NGUYỄN-VĂN-THẮNG

(1769 -- 1832)

NGUYỄN TRIỆU

mất chức quản-đốc một chiến-thuyền lớn của Chúa Nguyễn!

Mãi đến cuối 1796 (Bính-thìn) đầu 1797 (Đinh-tị), J-B. Chaigneau mới bắt đầu vào giúp việc

chúa Nguyễn và được tàm phong chức khâm - sai Cai - đội tước Thắng - tài - hầu quản Long phi đồng-thuyền; Sắc niên-hiệu Cảnh hưng năm thứ 61 tháng 2 ngày 24.

嘉隆元年十月二十五日

敕中軍正管龍彪銅艘欽差屬內該奇
阮文勝跨浪雄風凌波巨志風雲契從
龍之會遇巷有緣舟楫摠使馬之功涉
川攸利旣彰偉績宜修殊恩特准陞為
正管龍彪銅艘欽差屬內掌奇勝算侯
管率內艚堅水三三隊員軍等聽候中軍
戎務尚其勵有嚴有翼之能式共武服
奮如翰如彤之勢茂建戎功時命式欽
令名勿替欽哉故

Sắc Trung - quân Chánh - quân Long - phi đồng tàu, Khâm - sai thuộc nội Cai-cơ

Nguyễn văn Thắng

Khóa lã hùng phong, lãng ba tư chi. Phong văn khê tông long chi hội, ngộ hạng hữu duyên; chu viếp lu sử mã chi công, thiệp xuyên du lợi. Kỳ chương vĩ tích, nghi xi từ án. Đặc chuẩn thăng vì Chánh quân Long-phi đồng tàu, khâm sai thuộc nội Chương-cơ Thắng-toán hầu, quản xuất Nội tàu, Kiên thủy nhất, nhị đội viên quân đẳng, thỉnh hậu Trung-quân hưng vụ. Thượng kỳ lệ hữu nghiêm, hữu đức chi năng, thức cung võ phục; phẫn như hân, như phi chi thể, mậu kiến hung-công. Thì mệnh thức khâm, lệnh danh vật thế! Khâm tài Cố sắc.

Gia-long nguyên niên, thập nhất nguyệt, nhị thập ngũ nhật.

Một hôm, Nguyễn-vương hỏi J.B. Chaigneau đã nhận được sắc chưa; Chaigneau trả lời rằng chưa thấy gì cả. Vương liền quở bộ Lại về sự chậm-trễ đó. Quan bộ Lại tâu rằng: do vì chương tàu Long và tàu Phụng là người tây không có tên họ gì cả thì viết sắc làm sao được! Vương bèn phán: « Đã đặt cho tên là Thắng và Chấn rồi, còn họ thì cứ lấy họ trăm... »

Từ năm 1797 (Đinh-tị) đến 1799 (Kỷ-mùi) lánh-nhau với Tây-sơn rờn-rã, J. B. Chaigneau yếu mệt, nên ngày 19 Mars 1800, Nguyễn-Vương cho phép nghỉ, về Malacca dưỡng bệnh cho có thầy, có thuốc.

Trận đánh ở cửa Qui-nhơn, trong mấy ngày 27-28 Février 1801 (Tân dậu) J. B. Chaigneau tỏ ra là một ông tướng can-đảm đánh và đốt phá tan thủy-trại của Tây-sơn.

Tuân lệnh quan Giám-quân Pham - văn - Nhân, ngày 11 juin 1801 (Tân-dậu) J. B. Chaigneau đem tàu đến tăng lực-lượng ở cửa Thuận và đến ngày 18 thì Nguyễn-Vương khắc-phục thành Hué.

Cũng trong năm ấy, Chaigneau được thăng Cai - cơ. Nguyễn-vương sai ông cùng với Barisy vô Nam chữa tàu Long-phi cho xong và khi ra Hué thì chở gạo ra.

Đến năm Gia-long nguyên-niên, J. B. Chaigneau được thăng chức Chương-cơ Thắng-toán-hầu như đạo sắc đã sao đây.

Cách độ một tháng sau thì có đạo sắc khác đổi lại là Tuồng-đức-hầu.

Sau mãi đến ngày 7 Août 1807 là mồng 4 tháng 7 năm Đinh-mão ông Nguyễn Đức Xuyên mới

cho chữa đôi hẳn lại như trước là Thắng-toán-hầu.

(còn nữa)

(1) *Đại-Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 29, trang 9: « .. Bá-Đột, Ba-Ni-ê Lê-văn-Lãng, ô-li-vi từ nhân giả tông Bá-Lộc tự Tây lai gia-định, nguyên lưu vi thần-bộc, đại thụ cai-đội Bá Đột tứ danh Chấn, Ba-Ni-ê tứ danh Thắng, quân tứ tính Nguyễn thị, lịch tông chính-phạt, quản Long-Phi, Phụng-phi nhị đại-thuyền, lịch quan chi Chương-cơ. Minh-mạnh sơ-uyển, dĩ lữ thính hồi quốc; hựu chí »

(2) *Đại Nam chính biên thực lục* đệ nhất kỷ, quyển 4 tờ 15 16. « Kỳ-đầu thập niên lục nguyệt. . Hoàng trướng-từ Cảnh quy tự Tây dương. Sơ Đế mệnh Bích-Đa-Lộc hộ Cảnh như Đại-Tây cầu viện, dư nhị niên thủy chí kỳ quốc. Quốc-vương dĩ vương-lễ đãi chi, nhị chung mạc năng trợ; nãi sử bỳ thuộc Nguyễn văn Thắng Nguyễn văn Chấn tông Bách-Đa Lộc tông Cảnh dĩ quy. Cảnh tự từ mệnh, như Tây tứ niên. Đế quyển niệm bất trí; cập đặc báo, tức mệnh Tôn thất Hồi tương binh thuyền xuất Căn-Chủ hải khẩu tiếp hồi; kỳ chí Đế đội hỉ duyệt. Thắng, Chấn đại nguyên lưu vi thần-bộc, hựu chí; tịch thụ Cai-đội, tứ tiền nhất thiên niên «Thắng, Chấn quân sở tứ tính danh... »

(3) *Việt-Nam sử lược* Trần trọng Kim xuất bản năm 1920, tập thứ nhì trang 132 — «... Bấy giờ những người Pháp tên là Chaigneau (Nguyễn văn Chấn hay là chúa tàu Long) Vannier (Nguyễn văn Thắng hay là chúa tàu Phụng) De Forçant (Lê văn Lăng) Victor Ollivier «ông Tín» Dayot v.v.v. cả thầy đến non 20 người theo Bá-Đa-Lộc sang giúp Nguyễn-vương. Vương phong quan tước cho mọi người để luyện tập quân-sĩ làm tân, đức sủng và chỉnh-đốn các việc Vũ bị... »

(4) Barizy tên ta là Mẫn, khâm-sai, cai-đội Thánh-lin hầu, quản tàu Loan-phi.

(5) Dayot, phong tước Trí-lực hầu.

(6) Vannier, tức là Nguyễn văn-Chấn, Chấn-võ hầu, quản tàu Phụng-phi.

LÒNG SƯƠNG-PHỤ

(Một chuyện thực)

TRONG gian phòng nhỏ của một tòa nhà cổ, ngọn đèn dầu dứa đang chập chờn nháy múa như bóng rùa chơi. Nàng Phương-Mai, một thiếu-nữ yêu-kiều, dể-m-lệ, tuổi ngoại đôi mươi, ngồi tư lự, hai tay bóp trán, tóc sũa ngang vai, mắt nhắm nhắm nhìn xuống mảnh giấy đề trên bàn. Ở bên tay trái, cách chỗ nàng ngồi độ ngót hai thước, con nàng đang ngủ say trong chiếc màn the trắng. Trong êm đềm tĩnh mịch của xung-quanh, trong khi giờ phút mát mẻ của đêm thu.

Bên ngoài, bầu trời lặng lẽ dưới ánh trăng trong. Những cành soan rườm rà, sấm thấm, rủ xuống mái ngói, không hề động đậy. Năm tựa cửa, con chó trắng, lông xù, nhìn vào cõi xa xăm, mơ theo bóng giăng đi...

Trong óc Phương-Mai, một cơn giông-tổ đang làm mưa, làm gió. Tâm hồn nàng đang bối rối vì chớp nhoáng, sét dữ, sấm to!

Phương-Mai là một quả-phụ mới đoạn tang chồng được vài năm nay. Lá thư mà nàng đề trước mặt là mấy vần thơ của Mộng-Trường, người yêu của nàng từ thuở chưa chồng. Nàng mới nhận được lá thư đó lúc ban chiều.

Nàng muốn giả nhời, nhưng biết viết gì. Nàng chỉ thấy lòng nàng tê tái, ý-tưởng nàng như mở bong bong. Đã một giờ sáng, mắt nàng lúc nào cũng đui-m-lệ.

Tiếng trống cầm canh của tuần-phiên trong làng nổi lên trong khoảng đêm trường vắng vẻ, rồi im bặt, để cho nàng một cảm-tưởng thúc giục. Nàng cầm bút viết:

« Mộng-Trường ơi! Mộng-Trường
ơi!

Xen thư, em khóc, lệ dài thấm canh.

Đêm khuya ai thấu tâm-linh,

Buồng không đôi bong, một mình
mình hay ».

Ngọn gió mát, lọt qua cửa sổ, làm

rung rinh bức màn ngủ của con nàng. Nàng đứng dậy ra ti tay vào thành song, ngược mắt lên nhìn giới cao thẳm:

« Mơ màng theo áng mây lồng
bóng giăng ».

Con nàng cựa cựa, lên tiếng gọi mẹ. Nàng đi lại giường, bế con, mắt nàng chan-chứa, dằn-dụa, tuôn rơi dòng lệ ngọc:

« Con em bé bỏng thơ ngây,
Bế con, em khóc những ngày ngày
trời ».

Con nàng lại ngủ yên. Sau khi đọc lại hai ba lần bức thư của Mộng-Trường, nàng thấy tình-cảnh sầu-bi của nàng thêm phần ảm-đạm với những giọng thơ ảo-não du-duơng:

« Thơ anh dằm lệ sâu pha,
Thơ anh là buổi chiều tà quanh hiu!
Tình em là cảnh tiêu điều,
Tình em là bóng tàu tiên ulla vàng! »

Rồi cái ý nghĩ oán trách người yêu bỗng hiện ra ở trong óc nàng. Vì nàng nghĩ: từ ngày chồng nàng mất đi, nàng vui lòng theo số mệnh, một dạ trung-trinh nuôi nấng con thơ. Tuy ở trong cảnh lẻ loi, phiền não của người gái góa, nàng chưa hề phải chiến-đấu với dục-vọng muốn tái giá. Song le, có ngờ đâu lá thư của Mộng-Trường bay đến, cái tình cũ lại trở lại với người xưa, để đến nỗi tâm-hồn nàng phải rời bỏ yên-tĩnh, lệ tình của nàng lại phải sa rơi rỏ giọt.

Nàng trách người yêu:

« Mộng-Trường ơi! hỡi Mộng-
Trường!

Tình anh mang lại sầu thương nỗi
lòng!

Hồn em như mảnh giăng trong,
Lừng lơ treo giữa tầng không lặng tờ,

Tình anh se gió làm mưa,
Se nây đen sạm cho mờ bóng giăng!

Hồn em như bề tuyết băng
Từ lâu già lạnh ngập ngừng sóng tang.

Tình anh le-lói nắng hồng,
Tuyết băng tan khỏi thành giòng
thác sóng ».

Nàng trách thật, nhưng:

« Trách anh, em tưởng khuấy lòng;
Trách anh, em thấy nỗi nùng bằng
hai ».

Nàng thấy « nỗi nùng bằng hai », và như điên, như cuồng, nàng quăng thư xuống đất, đi đi lại lại hết đứng đến ngồi. Con khủng hoảng tình thần vừa dịu bớt, nàng thấy lao đao như muốn ngã, nàng ngồi phịch xuống ghế, giờ tay ôm đầu, hai mắt nhắm nghiền, gục mặt xuống bàn. Nàng mơ mộng...

Cả một mẫu đời quá khứ sống lại trong tưởng tượng. Nàng thấy nàng sung sướng khi còn thơ ấu, e-lệ vui tươi khi mới dậy thì. Nàng thấy Mộng-Trường yêu nàng và lòng nàng xao-xuyến với mối tình đầu tiên. Nàng buồn khi Mộng-Trường đi xa, then thùng khi chàng giờ về, vì lúc đó nàng đã lấy chồng và đã có một con. Nàng thấy nàng giữ yên-lặng được những giây tình cũ kỹ nó rung động khi trông thấy Mộng-Trường, người yêu đầu tiên, để cho tròn bổn phận làm vợ và làm mẹ. Nàng thấy: nàng kính-phục Mộng-Trường là người quân-tử đánh lòng đeo nặng hận tình, chứ chẳng như ai mong quyến rũ gì có chồng. Thê-lương bi-đát thay những hình ảnh, trong đó nàng đứng trước cái chết trẻ của chồng, nàng đưa chồng ra chốn yên giấc ngàn thu, nàng vật lộn với sầu khổ sau cơn gió bão. Yên tĩnh thay tâm hồn nàng khi thời gian mang lại cho nàng sự nhòa xóa sầu thương, sự quên lãng những giờ thê thảm. Quá khứ đưa nàng đến hiện tại. Nàng thấy tâm hồn nàng bị giầy vò xâu xé bởi những giọng thơ của Mộng-Trường muốn cùng nàng chấp nối duyên xưa. Nàng cảm thấy nàng yêu Mộng-Trường một cách sâu xa thắm thía. Tình yêu đó mãnh liệt đến tột bậc khi nàng thấu rõ Mộng-Trường là người quân-tử chung tình hiếm có:

« Ngờ đâu giữa khoảng đêm giăng,
Thư anh bay tới, lệ ngừng lại tuôn.

Mới hay những lúc em buồn,
Những khi mưa gió, cánh chồn
tả tơi,

xem tiếp trang 16

Thổ-nhĩ-kỳ,

Anh-Nga và Đức

NHẬT-NHAM

SAU khi Anh-Nga đem quân tiến vào Ba-tur, thế-giới lại chú-ý đến Thổ-nhĩ-kỳ là nước lân-cận đã ký hiệp-ước tương-trợ với Ba-tur, tới nay vẫn đứng trung-lập mà đã bao phen công-bổ giúp Ba-tur để chống lại một cuộc ngoại-xâm.

Trước khi muốn biết tại sao Thổ lại có một địa-vị quan-trọng trên trường quốc-tế hiện-thời, thiết tưởng nói sơ về địa-thể, chính-trị và lịch-sử một cường-quốc đã từng có một cái dĩ-vãng oanh-liệt cũng không phải là vô-ích vậy.

Trước hồi Âu-chiến 1914, Thổ-nhĩ-kỳ Á-châu cùng những bộ-lạc phụ-thuộc như Ai-cập, Samos. Hồi đó, Thổ có 200 triệu dân và chia làm nhiều tỉnh (2 tỉnh thuộc địa-phần Á-châu và 24 tỉnh thuộc địa-phần Âu-châu và 28 tỉnh thuộc địa-phần Á-châu).

Một ông vua chuyên-chế, có một thủ-tướng và một pháp-chủ cố-vấn, cai-trị dân theo hiến-pháp thi-hành từ năm 1608. Ngày nay, không còn vua, Thổ đã cải làm một dân-quốc dưới chính-thể một vị Tổng-thống, có một hội-ngập quốc-gia, giúp việc.

Tại Âu-châu, Thổ giáp Hy-lạp, hắc-hải, Bosphore, biển Marmara, gồm có Constantinople, Andrinople, miền đông-Thrace cho tới Maritza.

Tại Á-châu, thuộc địa-phần Thổ là miền Arménie, Kurdistan và giải đất Anatolie có các hồ Địa-trung-Egée, marmara. Hắc-hải bao-bọc.

Phía bắc, giáp xứ Caucase thuộc Nga cai-trị, phía nam và đông giáp Syrie, Mésopotamie (Iraq) và Ba-tur.

Thổ là một nước Sơn-lâm hiểm-trở, sản lâm thảo và da súc-vật.

Xưa, người Thổ hợp thành bộ-lạc ở châu Á, sau kẻ châu chính-phủ Á hát-xích bị khuyah-đảo. Đến thế-kỷ thứ XIV, Thổ kéo vào Âu-châu, rồi đến thế-kỷ XV, mở một nước

hùng-cường trên di-tích nước Byzantin (miền Constantinople bây giờ). Cuộc chinh-phục càng ngày càng tiến-hành, bắt đầu từ vua Mourad I, rồi qua các triều Bajazet I, Mahomet I và Mourad II, đến năm 1453, Mahomet II chiếm được thành Constantinople : kết quả thực là rực rỡ !

Năm mươi năm sau, nước Thổ khuyếch-chương thế-lực sang miền Bá-nhĩ-cán, Tây-Á, Ai-cập và đến đời Soliman I, Thổ rất cường-thịnh. Đến thế-kỷ XVII và XVIII vua Thổ đánh nhau với nước Áo và đã nhiều lần vây kinh-thành Vienne. Từ thế-kỷ XVIII, trước lực-lượng của Nga, cuộc bành-trướng Thổ bị đình-trệ. Thế là Thổ bắt đầu suy-nhược !

Nhờ Âu-châu can-thiệp, nước Hy-lạp độc-lập năm 1829 ; Lỗ được giải-phóng sau trận Crimée (1856 ; Serbie và Bảo độc-lập sau hòa-ước Bâ-linh. Theo hòa-ước này, các cường-quốc phải bảo-đảm chính-pháp của Thổ. Từ 1907, Thổ theo hiến-pháp. Sau cuộc chiến-tranh năm 1911 với Ý, Thổ phải nhượng xứ Tripolitaine. Nhiều đất của Thổ chiếm được tại Âu-châu cũng mất, sau cuộc chiến-tranh ở miền Bá-nhĩ-cán (1912-1918). Cuộc Âu-chiến trước [1914-1918] kết-liệu với sự thất-bại của Thổ đồng-ninh với Đức, Áo và Bảo. Nhiều trận thắng Hy-lạp vào năm 1922, Thổ giữ vững được nền chính-thống theo hòa-ước Lausanne (Juillet 1923).

Thổ vẫn độc-lập ! Sau khi khởi cuộc chiến-tranh, Thổ vẫn kết-liên với Anh. Rồi Đức chiếm được miền Bá-nhĩ-cán, Thổ lại ký hiệp-ước thân-thiện với Đức, Ngoài ra, Thổ vẫn đoàn-kết với Ba-tur và Nga sô-viết.

Gần đây, Anh-Nga kéo quân vào Ba-tur, làm cho Thổ phải một phen

bối-rối ! Thổ vẫn từng công-bổ hết sức giúp Ba-tur để chống một cuộc ngoại-xâm. Nhưng, nay cuộc Anh-Nga xâm-chiếm Ba-tur sắp kết-liệu, thế mà Thổ vẫn chưa tỏ thái-độ ra sao ! Điều chắc-chắn là mặc dầu cuộc kháng-chiến của Ba-tur thế nào, Thổ cũng không đem binh sang cứu nước bạn. Thổ cần-cứ vào khoản thư 6 hiệp-ước Ba-tur ký với Nga ngày 26 Février 1921 để từ-chối việc giúp Ba-tur. Theo khoản ấy, Nga, vì lo Ba-tur sẽ dùng làm càn-cứ-địa cho một địch-quốc đánh Nga, nên ký mật-ước với Ba-tur, phòng khi một cường-quốc địch chiếm Ba-tur mà Ba-tur không thể tự-vệ được thì Nga kéo quân vào Ba-tur trợ-lực, cho đến khi dẹp yên quân địch, Nga lại rút quân về.

Sau khi ký mật-ước với Nga, Ba-tur lại ký với Thổ một hợp-ước thân thiện, nhưng không hề đề động đến việc giúp nhau về hình bị.

Vì vậy, Thổ có thể đứng ngoài vòng khói lửa, mà vẫn giữ nền trung-lập như cũ.

Nhưng không giúp Ba-tur, mới chỉ là qua được một bước khó ! Thổ còn nhiều vấn-đề cần phải giải-quyết, vì cây muốn lặng, nhưng gió chẳng dừng !

Trước cuộc tấn-công Anh-Nga vào Ba-tur, Đức không thể khoanh tay đứng nhìn được.

Hoặc Đức giao cho Ý hành-động, vì Ý vẫn có trách-nhiệm phòng-thủ khu-vực Địa-trung-hải ? Khi đó, Ý sẽ tấn-công qua Hắc-hải. Quân Ý sẽ kéo qua miền Dardanelle. Như vậy, Thổ sẽ xử trí ra sao ?

Hoặc Đức giúp Ba-tur, kéo quân và tải chiến-cụ qua xứ Anatolie.

Mới rồi, có tin quân Đức tập-trung ở biên-thùy Bảo-Thổ, có nhẽ để áp-bức Thổ. Rồi giữa các đả-vô-tuyến-điện Thổ và Bảo, có cuộc tranh-đấu kịch-liệt bằng ngôn-luận làm cho tình-thế hai nước thêm gang. Tuy vậy, một cuộc binh-đao giữa Thổ và Bảo không thể có được. Đồ-lộ của thuyết hòa-bình, Thổ hơn hết các nước, mong chóng kết-liệu cuộc xâm-chiếm Ba-tur. Thổ cũng công-nhận Nga chiếm Ba-tur để tăng lực-lượng ở Trung-đông và

kéo dài biên-giới Nga-Thổ Nhưng Chính-phủ Ankara rất ngại : Nga chiếm mỏ dầu Ba-tur sẽ vĩnh viễn, Đức khó lòng lung lay nổi Cuộc phẫu-công của Đức sẽ quan-trọng và bành-trướng đến đâu ?

Khi ấy, Đức sẽ yêu - cầu Thổ nhượng cho các không-quân căn-cứ địa miền Caucasie và xứ Arménie như Tréb zonte, Erzeroum.

Từ căn-cứ-địa ấy, Đức sẽ cho phi-cơ phóng-pháo đi tan phá các đoàn vận-lái chiến-cụ Anh-Mỹ đưa tới Tiplis bằng đường bộ hay đường xa. Thổ sẽ xử trí ra sao ?

Nếu Đức quyết định sớm hơn, Thổ sẽ không ngần ngại mà không thiên về Đức, vì Thổ không phải là không biết lực-lượng quan Đức trong trận Baltique và Hắc-hải. Sau 8 tuần lễ tấn công vào Nga, quân hện đã tới chiến-lũy Sine, cách 100 cây số về tây-nam Pétrograd, đã chiếm được Smolensk Gomei và tập trung theo dọc chiến-tuyến sông Dnieper.

Nga tàng trữ rất nhiều chiến-cụ nặng. Nếu Thổ giao cho Đức các căn-cứ-địa ở biên-thùy Caucase và Ba-tur Thổ sẽ chịu ảnh hưởng sự tàn phá của chiến-cụ ấy, Thổ sẽ phải đương đầu với sức rất mạnh của Hoa-kỳ ngày mai, với một nước có những kỹ-sư sẽ cải-tạo Thổ theo nhời di-chức của Mustapha Kémal, thành một nước hoàn toàn mới mẻ.

Nhưng một bên, Đức hết sức vận động kéo Thổ về mình.

Một bên Đại-sứ Hoa-kỳ, Anh, Nga cũng đã tới Ankara để khản khoản Thổ theo tụi mình.

Tình thế Thổ trở nên bi quan !

Trước khi bom Đức hay Nga nổ tại Istamboul, Thổ đã chắc kip tổ thái-độ ra sao chưa ?

Nhưng về mặt chính-trị đã đủ đầu ! Thổ lại chịu hai lưỡi kim Anh Đức áp bức về mặt kinh-tế !

Sau khi chiếm được miền Ba-nhi-cán Đức lại khôi phục được địa-vị đã từng có trước hồi Âu-chiến trên thương trường Thổ nhĩ-kỳ. Rồi Hy-lạp bị Đức chiếm cứ, Anh mất đường vận-lái hàng hóa từ vịnh Egée đến miền Dardanelles

Từ đó, Thổ và Đức ký nhiều thương-uớc với nhau, lần cuối cùng mục đích để trao đổi hóa-phẩm trị giá tới 150 triệu hoa-viên Thổ. Kịp đến lúc Anh đặt chân sang Syre, nay lại kéo quân vào Ba-tur, lại thêm nhiều đường tiện lợi cho việc thông thương, nên Anh tấn công vào Thổ về mặt kinh-tế. Đức hứa ít, Anh hứa nhiều, nhất là hứa bán cho Thổ nhiều dầu mỏ xứ Irak và Ba-tur.

Anh nỷ cho Lord Carlysle đứng điều đình về thương mai với Thổ. Cuộc điều đình này có nhiều ước-khoản về chính-trị bảo đảm.

Về phần Đức, Đức cũng hành động riết ! Một phái-bộ thương-mại Đức, do bác-sĩ Clodins đứng đầu, sắp tới Ankara. Đức có nhiều hóa-phẩm giao dịch với Thổ như cơ-khi chiến-cụ, chất hóa học, dược phẩm.

Anh tuy không đủ các thứ cần dùng cho Thổ, nhưng Anh đã có ông bạn Hoa-kỳ không thiếu thứ gì, một khi Thổ dùng đến.

Thổ vừa là cố-nhân của Anh, vừa thân-thiện với Đức, xử trí sao cho hai bên hài lòng ? Thổ thực đứng trong một tình thế khó khăn,

Kiểm duyệt bỏ

Ta chờ xem cục diện thế-giới ra sao . . .

NHẬT-NHAM

Báo mới

« Truyền Bá » là tờ báo do nhà Tân-Dân mới xuất bản, một tờ báo giữ cái công việc giáo dục nhi-đồng.

Các nước văn minh, người ta đều chú ý đến việc giáo dục nhi-đồng, vì vậy thường có rất nhiều những sách riêng báo riêng cho trẻ em đọc. Ở nước ta loại sách báo ấy còn hiếm lắm, trẻ em khi muốn đọc, thường phải dùng những « món đọc » của người nhớn, đó là một điều rất có hại. Nay nhà xuất-bản Tân Dân cho ra tập báo này chuyên để cho các trẻ em đọc, thật là rất hợp với sự nhu cần của thời-đại.

Xin vui lòng giới thiệu một bạn đồng nghiệp mới với các độc giả.

Lòng sương phụ

Tiếp theo trang 14

*Hồn em như bóng ma chơi,
Đêm đông xóa tóc bước hoai trong
sương !*

*Hồn anh lững thững mờ màng,
Theo em vào cõi đoạn-tràng năm
canh !*

Những rẽ cái, rẽ con của mỗi
tình đầu tiên đã ăn lan khắp trái
tim nàng !

Trước kia, Phương-Mai đã phải
huy-động bao nhiêu mạnh mẽ của
nghị-lực để vâng mệnh cha mẹ cho
tròn chữ hiếu để đi lấy chồng.

Bây giờ nàng lại phải công - phá
một hàng chiến-lũy kiên cố vô cùng
để đi tới cái lý tưởng siêu việt nó
muốn nàng có một nhân-cách quý
giá vô song để đối trọi với cái cũ-
chỉ đáng khâm-phục, cái tâm-hồn
cao thượng, cái tình yêu sâu như
bể, rộng như trời, sáng mát như
bóng giăng thu của Mộng-Trường.
Nàng quả quyết rằng bây giờ nàng
rất có quyền đi lấy chồng, nếu
nàng vẫn có thể nuôi nấng con
nàng một cách chu đáo, không đến
lỗi đạo làm mẹ. Nàng tự cam đoan
rằng nếu lấy Mộng-Trường nàng sẽ
không phải thiếu thốn, nhất là về
phương-diện tinh - thần, trong sự
săn sóc con nhỏ, nàng sẽ lại thấy
cuộc đời tươi thắm của đôi uyên-
ương hay bông. Song le, cái lý-
tưởng cao siêu xưa đã làm nổi dậy
trong lòng nàng tất cả mãnh-lực
của can-đảm, đã đè bẹp được tất
cả dục-vọng cuồng khát thương
hay bầm bở lòng quả-phụ, đã đưa
nàng đến chỗ tình yêu cao chót
vót, cao tột bậc.

Nàng Phương-Mai kết thúc bức
thư bằng văn vắn trả lời Mộng-
Trường :

« Anh ơi ! khối cũ chung tình,
Thực lòng em đã nung thành cục
than,

*Than hồng chôn dưới tro tàn,
Ngàn năm ấp ủ ánh vàng lửa thiêng,
Than hồng mà đẹp, mà gèn,
Còn hơn chấp nối tơ duyên lỡ làng.*

*Tình gĩa anh giữ vẹn toàn,
Duyên em trặc trở, bẽ bàng lòng em.*

Minh Tuyên

« Pháo-đài bay » và phi - cơ khu - trục

Nguyễn-huyền-Tĩnh

CÁCH đây độ hai ba năm, báo *Illustration* đã từng nói đến « pháo-đài bay » (for-teresse volante) trong một bài khảo cứu về phi-cơ phóng pháo (avion de bombardement).

Tác giả bài đó liệt vào hàng « pháo-đài bay » những máy bay ném bom hạng nặng, ba động-cơ kiểu *Savoia-81* của Ý, kiểu *Junker-52* của Đức, sau chiếc máy bay không-lò bốn động-cơ kiểu *Boeing-X15* của Mỹ.

Đến nay, kỹ-nghệ chế-tạo phi cơ đã tiến một-bước khá dài. Những chiếc *Savoia-81* đã từng « làm mưa gió » trên gang-sơn của Á hoàng Sélasie, những chiếc *Junker-52* đã từng đánh phá Madrid và Barcelone trong cuộc « huynh đệ tương tàn » bên Tây-ban-Nha hồi nội chiến, những chiếc máy bay đó lần-lượt bị sa thải để nhường chỗ cho những phi-cơ to hơn và mạnh hơn nữa. Hiện thời, xứng-đáng với tên « pháo-đài bay » họa chăng còn có những chiếc kiểu *Boeing-yb-17*, *Douglas*, *Lockhed*, *Consolidated* trong phi-đoàn nước Mỹ.

Nga-sô-viết đã có phen đóng được « pháo-đài bay » nhưng từ khi chiếc phi-cơ sáu máy *Maxime Gorki* ngộ nạn, gãy nát tan-tành, người ta không thấy bàn đến việc đóng những máy bay to và mạnh như thế nữa.

Chiếc *Farman 221*, 19 tấn, 4 động-cơ 3440 mã-lực cánh dài 36 thước, toàn thân bọc thép nhẹ, của phi-quân Pháp tại Đông-dương, cũng có thể gọi là « pháo-đài bay » được.

Cũng như không-lò hai tấn, trái phá nghìn cân, « pháo-đài bay » là một trong những khí-giới gồm-ghê của loài người, trong kỹ-nghệ « đánh g'ết ».

Ta thử tưởng-tượng một chiếc phi-cơ từ đầu cánh bên nọ sang đầu bên kia (envergure) đo gần một trăm thước, toàn thân bằng kim - khí bánh xe đường kính

gần hai thước đuôi lái (dérive) cao bằng một tòa nhà 2 tầng, ta sẽ nhận thấy « pháo-đài bay » đồ sộ biết là chừng nào.

Thân máy (fuselage) rộng-rãi, có thể chứa linh tám nghìn lít dầu sảng và rất nhiều đạn được. Ngoài số 18 tấn bom, máy bay còn chở được hơn một chục người vừa hoa-tieu, vừa sĩ-quan vô-tuyến-điện và d'eu-kh'eu súng liên-thanh.

Mang nhiều động-cơ mỗi chiếc hơn 1000 mã-lực, con chim sắt 60 tấn có thể cất cánh bay một mạch 2 nghìn cây số, đánh phá một nơi, rồi lại trở về phi-trường với một tốc-lực không kém 350 cây số một giờ.

Những trái bom nặng nghìn cân đeo hai bên cánh và đặt dưới thân tàu, trong hầm chứa (soute) sẽ đủ sức hủy-hoại hết thấy các cơ-quan phòng-ngũ của bên địch, các nhà cửa, dinh-thự, lâu-đài, và mỗi lần « pháo-đài bay » cất cánh lên là một lần đi gieo-gắc sự khủng-bố trên các đô-thành thị-trần.

Trong khi còi báo-động rền-rĩ lên những hồi trầm bổng, trong khi già trẻ nhón bé cuống quít dắt tay nhau tìm nơi trú-ẩn, liệu chừng các phi-cơ chiến-đấu và khu-trục phòng-giữ tỉnh-thành có thể đủ sức mà ngăn-cản những lớp phi-cơ không-lò bay đến bắt-buộc những phi-cơ đó phải quay về nơi căn-cứ trước khi liệng được những trái không-lò tàn-sát quân-lính và lương-g-dân.

Cuộc đọ tài trên không-trung sẽ vô-cùng kịch-liệt vì hai bên đều có đủ khí-g'ới tối-tân để « hạ » lẫn nhau. Có khác một điều là một đẳng « pháo-đài bay » thì đồ sộ nghênh-ngang, còn các phi-cơ khu-trục thì nhỏ, không bằng một phần tư bên địch khiến ta sẽ có cảm-tưởng đứng trước một bầy chim cất đàng bao vây một lũ phượng-hoàng.

Kể về khí-giới thì đôi bên cũng sắp si ngang nhau. Các « pháo-đài bay » mang nhiều súng liên-thanh hai nòng ghép một (mitrailleuses jumelées) có khi bốn nòng, hoặc tám nòng (multitubes) kiểu *Lewis*, *Nordenfeld*, *Hotchkiss*, *Bren*, *Darne*, *Chatelleraut*, hoặc những khẩu đại-bác nhỏ nòng từ 20 đến 37 li, kiểu *Bofors*, *Krupp*, *Stock* và *Oerlikon*, đặt thành nhiều lần bắn (postes de tir) đằng mũi, đằng đuôi, hai bên sườn tàu bay hoặc phía dưới, các lần đó lúc thường có thể thụt xuống, ẩn vào trong thân máy (poste escamotable) để khỏi cản gió.

Những súng liên-thanh bắn đạn to nhất là 13 li 5, có sức đi xa 5 cây số và mỗi phút đổ đống bắn được từ 800 đến 1000 phát. Nhưng có điều bất lợi là các viên đạn bắn ra một phần vì nhẹ quá, một phần vì tốc-lực bay cũng khá nhanh (350 cây số một giờ), nên nếu súng liên-thanh quay bắn ngang thì các loạt đạn bắn ra sẽ bị gió tạt mạnh (gifle) dễ sai đích.

Những súng liên-thanh và đại-bác trên « pháo-đài bay » đều có thể quay khắp mọi chiều, nên một khi lâm trận, các phi-cơ phóng-pháo bay thành hình chữ V (formation de combat en V) các súng ở phía đuôi hoạt-động chiếc nọ che lẫn cho chiếc kia rất có hiệu-quả. Các đại-bác bắn những trái phá nhỏ có hai ngòi (fusées) : một ngòi để cho đạn đụng vào đầu thì nổ phá (fusée percutante) ; một ngòi khiến cho viên trái phá dù không trúng đích cũng nổ (fusée à retardement), sau khi ra khỏi nòng súng độ gần 1 giây đồng hồ, như thế để các mảnh tung ra bắn vào máy bay địch.

Ngoài những viên đạn nổ (balles explosives) súng tự-động trên các phi-cơ còn bắn đạn khói, đạn lửa (balles fumigènes, balles traçantes) để nhận rõ đường đạn đi mà xoay

lại tầm súng.

Phi-cơ khu-trục (avion de chasse) cũng mang đủ những khi-giới như các « pháo-đài bay ». Có một điều khác là : súng trên « pháo-đài bay » thì xoay đi xoay lại được mà súng của phi-cơ khu-trục thì ăn liền vào thân máy và bắn theo chiều dọc của tàu (cannons et mitrailleuses tirant dans l'axe). Như thế mỗi khi giáp chiến, nếu viên phi-công nhận thấy tàu bay bên địch trong đường phân km của máy ngắm (collimateur) thì cứ việc lao thẳng máy bay đến, rồi bóp cò súng nổi vào máy tự-động bằng một sợi giây sắt mềm (bowden), tức thì bay ra 60 viên đạn trái phá của đại-bác-động cơ (moteur-canon) bắn qua chốt cánh quạt, và hàng nghìn viên đạn thép của hai khẩu súng liên-thanh đặt hai bên cánh (mitrailleuse d'aile).

Không có sức chịu đựng bằng các chiến-hạm có vỏ dày, các « pháo-đài bay » sẽ bị nguy-khốn trước trận bão thép. Các viên đạn súng liên-thanh sẽ khoan vào thân tàu mỏng-mảnh hàng nghìn lỗ thủng chi-chít. Các đạn trái-phá 20 li và 37 li sẽ tàn-phá các cơ-quan hệ-trong (parties vitales) như cánh, động-cơ, đuôi lái, bầu dầu. Trung cánh, các viên trái-phá nổ tan ra làm rách lằn thép mỏng khiến khi giới lửa vào những vết thủng : sức mang nặng của đôi cánh yếu dần, phi-cơ sẽ không thể bay cao lên và sẽ làm mồi cho những cao-xạ ngắn nòng của bộ-đội phòng-thủ.

Trúng đuôi lái (dérive), máy bay sẽ mất thăng bằng ; trung bầu dầu (réservoir) thì toàn thân phi-cơ sẽ bùng lên như một ngọn đuốc.

Ngày xưa, các phi-cơ khu-trục chỉ mang độ một hai khẩu súng liên-thanh là cùng. Nay nay, các phi-cơ hiện đại có sức mạnh gấp bội.

Kiểu Morane 406 của Pháp, nhất nhì trên thế-giới, kiểu D 510 cũng của Pháp đều mang một đại-bác bắn qua chốt cánh quạt (moteur canon Hispano-Suza 12) và 2 súng liên-thanh đặt hai bên cánh.

Kiểu Spitfire và Hurricane của

Anh mang tám khẩu súng liên-thanh Vickers đặt mỗi bên cánh 4 khẩu.

Những kiểu Messerschmidt 109 của Đức, Curtiss-37 của Mỹ đều mang đại-bác mạnh và súng liên-thanh.

Cùng hạng với phi-cơ khu-trục, ta có thể kể thêm những phi-cơ mà các nhà chuyên-môn gọi chung là phi-cơ chiến-đấu (Avion de combat) như kiểu Potez 63 của Pháp mang 2 đại-bác dưới bụng và một súng liên-thanh hai nòng ghép một có thể xoay được, đặt ở phía đuôi, kiểu Breguet 690 của Pháp cũng mang đại-bác, kiểu Heinkel 111 của Đức, Airacuda của Mỹ đều mang nhiều đại-bác tự-động (cannons automatiques).

Như vậy, kể về phương diện khi-giới, bắc đồng cân ta sẽ thấy hai bên ngang nhau, nhưng nếu ta đứng về phương-diện chiến-đấu, thì « pháo-đài bay » bị nhiều điều bất-lợi.

Trước hết kể về kích-thước, « Pháo-đài bay » to và kình-càng nên dễ làm đích cho đại-bác và súng liên-thanh của quân-địch. Trái lại, phi-cơ khu-trục bé-nhỏ, nên nếu trông thẳng thân tàu chỉ là một chấm đen, đôi cánh chỉ là một vệt dài, khó lòng mà ngắm cho trúng được, nhất là với tốc-lực hiện-thời (trên 400 cây số một giờ), các máy bay chỉ kịp trao đổi một loạt đạn rồi lại cách xa nhau hàng hai ba cây số.

Điều bất-lợi thứ nhì của « pháo-đài bay » là chậm-chạp. Những máy bay khu-trục sẽ đủ thì-giờ bay lên ứng chiến. Những chiếc phi-cơ mau-lẹ, nhanh như cắt, sẽ bay vọt lên trên 10 cây số rồi đảo xuống, hồ nhào vào phía đuôi của « pháo-đài bay » mà bắn xuống. Cho dầu có bắn trả lại, phỏng thử một vài khẩu súng liên-thanh đặt phía sau chiếc máy bay ngoại-khở kia, có thể đương lại được với những loạt đạn trái-phá và súng cối xay như mưa rào bay tới ?

Không những thế, máy bay khu-trục lại dễ điều-khiển : có thể bay ngửa (looping), bay nghiêng (renversement), bay tắt máy rơi như chiếc lá rụng (feuille morte) và những

khỏe nhào lộn (acrobatie) của các phi công cuối những máy bay đó, khiến cho các tay gữ súng tự-tộng trên « pháo-đài bay » không biết đâu mà lường để đặt đạn cho trúng đích được.

Vì giá tiền quá cao, nên số « pháo-đài bay » khó lòng mà hơn số máy bay khu-trục, nếu trong khi giáp chiến, 1 địch với năm, các « pháo-đài bay » có lẽ cũng phải theo luật « mãnh hổ nan địch quần hồ » mà kém phần thắng-lợ. Ấy là chưa kể nhiều khi một phi-công cuối máy bay khu-trục liền mình để cho máy đâm sầm vào bên địch, một mạng đổi lấy mười, tiền muôn đổi lấy bạc triệu.

Sau cuộc xét-đoán, ta nhận thấy « pháo-đài bay » có lẽ cũng không lợi cho việc dụng binh, nếu bên địch có nhiều máy bay khu-trục tinh-nhuệ và chính những nhà chuyên-môn không-quân hiện thời cũng thiên về kiểu máy bay ném bom hạng vừa, tuy nhẹ nhưng cũng lợi-hại lắm. Đó là những kiểu Lioré Olivier Leo 45 của Pháp, Bristol-Blenheim của Anh, Dornier 215 của Đức, tốc-lực không kém những phi-cơ chiến-đấu mà số tạc-đạn mang đi cũng không phải là ít.

Một chính-khách Anh trong mấy tuần vừa qua đã từng tuyên-bố : « Các phi-cơ phóng-pháo sẽ đem cho ta phần thắng-lợ cuối cùng ». Có lẽ ông ta cũng tin ở lực-lượng chiến-đấu của các pháo-đài bay mà Mỹ sẽ gửi sang giúp phi-đoàn Anh-quốc. Nhưng liệu sau này những chiếc Boeing hùng-tráng nghênh-ngang có thể vẹn-toàn trở về ca khúc khải-hoàn, nếu trên vòm giới Essen và Dusseldorf, các « tòa thành trên không-trung » đó bắt buộc phải chiến-đấu với hàng trăm chiếc Messerschmidt và Heinkel tự bốn phương đổ lại.

Dẫu sao, hi-sinh biết bao nhiêu nhân-tài anh-tuấn, hủy-hoại biết bao nhiêu máy móc tinh-vi, điều đó không khỏi làm cho ta phải bồi-hồi nghĩ-ngợi.

NGUYỄN-HUYỀN-TĨNH

SỐ 5

PHÁC SƠ VỀ

MEO TIẾNG TA

(Dạng - bản văn - pháp)

ĐÀO-DUY-ANH

CHỮ quốc ngữ dùng 29 chữ cái, tựu trung có 12 chữ ghi âm chính là:

a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư và 17 chữ ghi âm phụ là: b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.

Ngoài ra lại có 27 chữ ghi âm chính kép là: ai, ay, ây, ao, au, âu, eo, êu, ia, iu, oa, oc, oi, ôi, oí, uê, ui, uri, uy, uu, iêu, oai, oay, uây, ôoi, uoi, uya.

Cùng 9 chữ ghi âm phụ kép là: ch, gi, kh, ng, nh, ph, qu, th, tr.

Âm chính là những âm phát ra tự nhiên, do không khí trong phổi thoát ra lỗ miệng mà ở giữa đường không bị vật gì ngăn trở. Tự một mình nó có thể độc lập được.

Âm phụ là những âm tự một mình không độc lập được mà phải phụ vào với âm chính thì mới thành âm, ví dụ:

Ch phải phụ với a thì mới thành được âm cha.

Các âm phụ là thành bởi không khí trong phổi thoát ra mà giữa đường gặp vật trở ngại hoặc là họng, hoặc là lưỡi, hoặc là răng hoặc là môi.

Chữ nôm xưa không có dấu hiệu riêng để ghi giọng như chữ Hán. Chữ quốc ngữ thì có 5 dấu để ghi năm giọng biến, còn giọng thường thì không có dấu.

Giọng bằng thường (bằng) không dùng dấu.

Giọng bằng (trầm) dùng dấu huyền (˘)

Giọng lên cao (bổng) dùng dấu sắc (ˊ)

Giọng thấp (bổng) dùng dấu hỏi (?)

Giọng gãy cao (trầm) dùng dấu ngã (ˋ)

Giọng thấp (trầm) dùng dấu nặng (ˊˊ)

Trong các giọng của tiếng Việt xưa nay các nhà thi phú phân biệt ra làm hai thể: thể bằng gồm có giọng bằng thường (không dấu) và giọng bằng thấp (dấu huyền) và thể trắc gồm các giọng lên và gãy (bốn dấu khác). Tiếng Việt là một thứ tiếng có tính chất âm nhạc nên làm văn xuôi người ta cũng nên chú ý về sự phối hợp của giọng thì lời văn mới có âm hưởng dịu dàng. Trong các giọng ấy ta nên phân biệt hai loại:

a) Giọng bằng là các giọng không dấu và thuộc về dấu sắc, dấu hỏi.

b) Giọng trầm là các giọng thuộc về dấu huyền, dấu nặng, dấu ngã.

Tiếng nói muốn cho rõ ràng cần phải uốn giọng cho đúng. Người Bắc-kỳ thường uốn giọng đúng hơn người các nơi khác. Như người Thanh-hoá, Thừa-thiên, Nam-kỳ thì không phân biệt giọng dấu hỏi và giọng dấu ngã, bởi thế họ viết chữ thường hay lộn dấu. Những người ấy muốn viết

cho đúng thì cốt nhất là cần phải nhận rõ cách viết từng chữ rồi gắng nhớ lấy.

Song cách hoà giọng của tiếng nói cũng thường theo qui tắc nhất định, nếu ta nhận ra qui tắc ấy thì ta cũng có thể dùng nó làm tiêu chuẩn để phân biệt những dấu hay lộn ấy (1).

Khi một tiếng đơn này biến hoá thành tiếng đơn khác, hay kèm thêm tiếng phụ để thành tiếng kép lấp láy sự biến hoá ấy phải làm thế nào cho âm điệu hoà hai, nghĩa là làm theo luật thuận thanh âm, đó là huynh hướng tự nhiên của tiếng nói. Chia các giọng của tiếng Việt ra hai loại là bằng và trầm sẽ thấy rằng trong sự kết hợp của những tiếng lấp láy các giọng đồng loại phải đi với nhau, không khi nào loại này đi với loại khác.

Ví dụ:

Giọng bằng:

1. Bằng với bằng: lân-la, vu-vơ, long-lanh, đong-dưa, xôn-xao.

2. Bằng với hỏi: nho nhỏ, nhỏ nhoi, len lỏi, hăm hăm.

3. Bằng với sắc: ngờ ngác, tề tai, dẫu đo, na ná.

4. Hỏi với sắc: như phẫn, mắt mỗ, sắp sửa.

5. Hỏi với hỏi: tằm tằm, uế oải, hổ hổ.

6. Sắc với sắc: tằm tức, tức tối, rồi rít.

Giọng chìm:

1. Huyền với huyền: rì rầm, dầm dề, dỗi dào, ồm ồm.

2. Huyền với ngã: rõ ràng, vẽ vời, ngớ ngẩn, thần thơ.

(1. C ch phân biệt dấu tôi dùng đây là do ông Nguyễn-Bình tìm ra, có đăng một bài về vấn đề ấy ở trong tạp-chí Tao-Đàn. Gần đây ông Ngọc-Trụ có đăng ở tạp-chí Nghệ-Thuật số 3, 4, 5, 6 một bài dài đề là luật Tứ-thanh và luật ngũ hỏi, tuy không nhắc đến bài của ông Nguyễn-Bình, nhưng cũng đồng ý với ông về chỗ ấy.

3 Huyền với nặng: ngại ngừng, lạnh lùng, ghen ngào, sáng sặc.

4 Ngã với nặng: lạnh lẽo, rõ rệt, quanh quẩn, lằng lẽ, mạnh mẽ.

5 Ngã với ngã: vô vễ, ngẫm nghĩ, lững thững.

6 Nặng với nặng: xục xít, rộn rịp.

Xem hai biểu trên thì ta thấy tiếng giọng ngã khi nào cũng đi với tiếng giọng nặng và huyền, dấu hỏi khi nào cũng đi với dấu huyền, dấu sắc. Vậy thì:

I — Trong các tiếng kép lấp láy, hễ có một tiếng đơn nào là giọng ngã, giọng huyền hay giọng nặng thì tiếng đi theo tất phải là giọng ngã, nếu có một tiếng đơn là giọng hỏi, giọng bằng hay giọng huyền, thì tiếng đi theo kia tất phải là giọng hỏi.

II. — Nếu là những tiếng đơn thì ta phải tìm tiếng lấp láy của nó, rồi cũng y theo các nguyên tắc trên kia.

III. — Có những tiếng đơn

không thể tìm ra tiếng lấp láy của nó được thì ta đổi dấu của nó đi để tìm tiếng biến thể của nó nếu tiếng mới ấy giọng trầm thì tiếng chính tất giọng ngã, nếu tiếng mới là giọng bổng thì tiếng chính tất là giọng hỏi.

Vì dụ:

Dấu đổi ra giọng huyền là dấu

Đỡ — nặng là đỡ

Dậm — nặng là dậm

Tuả — bằng là tua

Kỷ — sắc là kỷ

Cảm — sắc là cảm

Những nguyên tắc ở trên tuy không khiến ta tìm được dấu của tất cả những tiếng giọng hỏi hay ngã, song cũng có thể giúp ta được hơn phần nửa rồi.

Lời và ý. — Quan hệ của các tiếng nói với nhau Tiếng nói là dấu hiệu của ý tưởng. Tiếng nói có ý nghĩa thì gọi là lời. Về khoa học thì mỗi lời có một ý nghĩa nhất định, bất di bất dịch, như:

hình tam-giác, khai phương, lun

huyền, thân khí v v... Song cũng có nhiều lời không có ý nghĩa rạch ròi như vậy, ví như: bàn, ghế, chơi, ăn. Những lời ấy chỉ vật hay sự gì, chứ không định rõ giới thuyết.

Mối quan hệ của dấu hiệu với ý tưởng là do tục truyền mà thành, về tiếng mượn ở ngoài thì mỗi liên lạc ấy lại thành ở nơi khác mà ta chỉ thừa nhận. Có nhiều tiếng, mối quan hệ ấy đã đổi khác theo thời gian, ví như tiếng « đồng hồ », xưa chỉ một cái bình bằng đồng (đồng hồ) có đựng nước để đo thì giờ, thì nay cái cái máy đo thì giờ của người Tây-phương sáng chế.

Ý nghĩa của lời nói lại thường thay đổi luôn luôn, nhiều khi người ta không nghĩ gì đến nghĩa đen của nó mà chỉ lưu ý về nghĩa bóng mà thôi. Những lời tỷ dụ là thuộc về loài ấy:

(còn nữa)

1^{er} SEPTEMBRE 1941

Bắt đầu khai trương

NHÀ IN HÀN-THUYỀN

53, phố Tiên-Tsin Hanoi

**Nhận in đủ các sách vở,
báo chí, giấy tờ**



	AN LOÁT MỸ THUẬT	
	CÔNG VỆ NHANH CHÓNG	
	GIÁ TÍNH PHẢI CHĂNG	



Glám đốc: Nguyễn - xuân - Tái

**Cánh nhỏ, nước xanh, hương
thơm hơn các thứ chè khác**

**CHÈ
TRUNG - LƯ' O'NG**



*Chè này bằng cấp đã bao phen,
Hương vị thơm tho há phải hèn.
Quý khách ba kỳ nên chiêu cổ,
Lợi quyền nâng đỡ lúc đua chen.*

Chủ nhân:

PHẠM - VĂN - CƯỜNG

TRUNG - LƯƠNG

129, Rue Duvalier

HANOI

TIÊU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 12

PHAN - NGẠN nói rồi cười ranh mãnh. Văn-Khuê ngồi im như nghĩ ngợi hay cố nhớ những việc vừa xảy ra. Giữa lúc ấy, Bạch-y-nương ở ngoài vào, Phan-Ngạn đứng dậy chào, rồi lại đem hết ý nghĩ vừa kể với Văn-Khuê, thuật lại cho nàng nghe và kết luận :

— Nếu cứ thế này, tôi sợ cái mộng sung-sướng của ông bà bắt chước kẻ nông-phu sống ở cạnh rừng Gia-viễn không còn kịp nữa !

Phan - Ngạn nói xong trân-trân nhìn vợ chồng Văn-Khuê. Thấy hai người đều ra vẻ trầm ngâm, Ngạn mừng thầm mưu kế đã thành, vội ranh mãnh giục :

— Thế nào? hai ông bà nghĩ sao? Văn-Khuê hỏi lại :

— Bác định kế hoạch thế nào?

Phan-Ngạn tự đắc nói :

Theo ý tôi, thì tôi định thế này : Ta phải khởi sự ngay. Tôi đem quân Hải-dương và Sơn-nam do đường thủy tiến về. Tráng quận-công Ngô-đình-Nga đem quân Sơn-tây về. Bác đem thủy quân của bác trên sông Nhị-hà, đều đánh đồn vào chiếm Kinh thành. Nguyễn-Hoàng giờ chưa có binh quyền ; ta vào thành sẽ chia binh quyền cho hắn. Còn Ngô-đình-Nga đã bằng lòng rồi. Mai tôi đưa hắn lại đây cho bác tin. Vậy bác nghĩ thế nào? Việc là việc khẩn cấp.

Văn - Khuê ngẫm-nghĩ rồi bảo Phan-Ngạn :

— Mai bác lại tôi hãy quyết định, để chúng tôi xét kỹ xem đã.

Phan-Ngạn trừ trừ rồi nói :

— Được rồi. Đến mai. Nhưng thế nào cũng phải quyết ! Nguy cơ đến nơi rồi ! Trông gương Nguyễn-Hoàng, cậu người ta đấy !

Rồi Phan-Ngạn đi ra, mỉm cười thâm hiểm, tự tin mưu sâu thế nào cũng đạt.

Còn lại hai vợ chồng trong phòng, Văn-Khuê mới thông thả hỏi vợ :

— Cứ hiện-tình thế, phu-nhân xét xem chúng ta có cơ nguy gì không?

Bạch-y-nương ngẫm nghĩ từ nãy đến giờ, thấy hỏi mới đáp :

— Rõ oái-oăm quá ! Ở đâu thì cũng chỉ vì thiếp mà sinh ra nhiều chuyện chẳng hay cho chàng. Một người trung dũng ngay thẳng như chàng, mà lao đao, lận đận chỉ vì thiếp : thật tai ác quá. Cỗ-nhân bảo « hồng-nhan đa bạc mệnh ! » Thật vậy, thiếp không bạc mệnh đường nọ, thì bạc mệnh đường kia !

— Phu-nhân đừng nói buồn quá như vậy ! Lúc này là lúc cần phải suy tính con đường nào lợi thì theo.

— Đành rằng thế. Nhưng giá hôm ăn tiệc trong phủ, thiếp không đi lại hóa hay. Thiếp đã không đi. Sao chàng cứ bắt thiếp phải đi !

— Rõ đàn bà có khác ! cứ lần lần giở lại chuyện cũ. Người ta mời, mình không đi, là khinh, sau này xử với người ta thế nào? Vả, không phải vì thế mà mình lo. Lo về cơ khác nhiều hơn. Trịnh-Tùng là kẻ ghen tài. Đẳng này mình lại có công, có tài, có cả binh quyền

trong tay, chỉ sợ nó chủ tâm hại mình, mình không liệu trước thì khốn. Tin gì được cái lão đại gian hùng ấy. Đến ngay Nguyễn Hoàng là cậu hắn còn bị giam lỏng đấy nữa là.

— Nhưng thiếp nghĩ vẫn thế nào ấy. Nó cứ rối cả ruột lẫn. Thôi, thiếp kệ chàng. Chàng nghĩ làm sao, thiếp theo làm vậy. Song chàng phải xét rõ tình hình ở Triều thực hư thế nào đã, rồi hãy định liệu, chứ không thể tin ngay Phan - Ngạn được. Biết đâu nó lại chẳng có tính ý khác. Ít lâu nay, thiếp thấy nó cư xử lấy nhà ta. Giờ nhấc nhấc đến Trịnh-Tùng, thiếp mới nhận ra. Thì ra chung quanh mình thiếp đều có thể là kẻ cướp !

Câu chuyện dần dần về mưu tính và kế-hoạch dùng binh.

II

Tháng hai năm Canh-tý (1600). Kế quận-công Phan-Ngạn, Tráng quận-công Ngô-đình-Nga hiệp cùng Mỹ quận-công Bùi văn Khuê đánh kinh-thành.

Tráng quận-công Ngô-đình-Nga đem quân bộ miền Sơn-tây dẫn qua Từ-liêm về đánh cửa tây, Kế quận-công Phan-Ngạn đốc bộ binh Hải-dương về chiếm Kinh bắc, lấy Gia-lâm. Lại đem thủy-quân Sơn nam thẳng lên đánh cửa Đông. Mỹ quận-công Bùi-văn-Khuê huy động thủy-quân trên sông Nhị-hà đánh vào cửa Bắc.

Được tin báo, Trịnh-Tùng liền giao binh-quyền ở phủ Chúa cho con là Thái-ný Uý quận công Trịnh Tráng và dặn tùy-cơ liệu việc. Còn Tùng vội vào cung rước vua Kính-Tôn đem ấn dấu và quân lính ra giữ cửa Tây. Nơi kinh-thành lại trở nên một trường đại náo, diễn ra tấn kịch « chạy loạn » theo nhốt thăm thương : các quan chức cho vợ con đi lánh nạn ; các nhà giàu nhà buôn đem của - cải chạy lung-tung. Quân lính của hoàng-thành còn nhốn nháo, không trị nổi.

Quân Ngô-dinh - Nga đánh phá cửa Tây đương sắp. Trịnh-Tùng ra lệnh cho quân lính liền chết cố đánh, chợt lại có tin báo thủy-quân Phan-Ngạn đương bắn phá vào cửa Đông, thủy-quân Bùi-van-Khuê, tiến đánh cửa Bắc. Lập tức Tùng cử con thứ là Thành-quận-công Trịnh-Thung đem một toán quân đội Hồ-oai và đội Ngự tiền thủy-quân đóng ở hồ Lãng-bạc ra giữ cửa Bắc. Còn về cửa Đông, Trịnh-Tùng không biết cử ai, liền lên tiếng hỏi các quan có mặt tại đấy :

— Trong các quan có ai tình nguyện ra giữ cửa Đông?

— In thin-thít, không một ai gả nhời.

Đoan quốc-công Nguyễn - Hoàng thủng-thắng nói :

— Thế giặc mạnh lắm, không ai dám đương. Nhà vua bắt ai thì người ấy phải đi. Không quả quyết mau chóng, e hỏng hết mọi việc !

Trịnh-Tùng trông thấy Nguyễn-Hoàng, ngẫm-ngĩ rồi nói :

— Vậy, xin cử cậu đi. Tôi tận với nhà vua.

Trịnh-Tùng liền sai thảo chế sắc, kiêm ấn-dấu rồi giao cho Nguyễn-Hoàng đi đốc quân ở hồ Thủy-quân và ở ven bờ sông Nhị-hà tiến đánh Phan-Ngạn.

Thấy quân Nguyễn-Hoàng hung-hang tiến ra mạnh quá. Phan-Ngạn cứ từ từ cho quân lui. Được thế, quân của Nguyễn Hoàng phóng

thuyền mà đuổi.

Đến bến Vị-Hoàng. Phan-Ngạn dàn thuyền ngang sông, bày thế trận đầu đuôi rồi, thân hành xuống một chiếc thuyền con cùng răm ba lực-sĩ tiến sang bên địch, hỏi Nguyễn-Hoàng rằng :

— Đoan quốc-công muốn đánh hay muốn hòa? Đánh, chúng tôi cũng đủ sức đối lại. Nhưng tôi thiết tưởng thiệt hại cho quốc - công nhiều : Một thân bị kiềm chế ở nơi đô-thành, nay đến lúc nguy-cấp lại đem quân đi đánh giữ cho người ta thì thật là người cố-chấp, bất thức - thời ! Chỉ bằng đi với chúng tôi, tôn-phù nhà Lê, trừ tên quyền-thần Trịnh-Tùng đi, nối lại cái chí của Trết-lĩnh công ngày trước, có phải hơn không?

Nguyễn-Hoàng nói :

— Tôi đánh nhau với ông, thật chỉ thiệt mình ! Nhưng đi với ông, tôi nhất định không đi. Bây giờ tôi xin giao ước với ông một điều này, nếu ông bằng lòng, ta làm ngay tức khắc...

Phan-Ngạn nói :

— Điều gì, ông cho tôi biết ?

— Tôi định như thế này : Tôi với ông không đánh nhau nữa. Tôi mặc ông muốn làm gì ngoài này thì làm. Tôi về Thuận-hoá. Ông đã biết tôi làm Trấn-thủ trong ấy, sửa sang mọi việc đã được chu đáo. Thế mà ra chầu vua Lê ngoài này, bị Trịnh-

Tùng giữ lại tám năm rồi, quá người bị giam lỏng ! Nay may nhờ các ông tôi được cầm quân tới đây, điều mong mỏi của tôi là về Thuận-hoá. Vậy ông mở đường ngay cho tôi đi. Tôi xin đa tạ.

Phan-Ngạn ngẫm nghĩ rồi nói :

— Được, tôi để cho ông đi, không mất một chiếc tên, không hao một người lính. Nhưng, về trong ấy rồi, ông phải đánh mạn Nghệ, Tĩnh để, chia thế-lực quân Trịnh.

Nguyễn-Hoàng ưng thuận.

Phan-Ngạn lập tức cho dời chiến thuyền vào một bên sông, để lối cho quân Nguyễn-Hoàng kéo ra.

Trước khi đi, Nguyễn-Hoàng cho đốt hết dinh trại và những cái gì kèn cang không mang theo được, rồi tiến quân thẳng sông Vị-hoàng, xuôi cửa Đại-an ra bể, phóng về Thuận hoá.

Ở Thăng-long, quân Ngô-dinh-Nga đã tiến vào được trong thành. Trịnh-Tùng mang vua Kính - Tôn theo đường bộ chạy về Thanh-hoá. Bùi Van-Khuê đốc chiến thuyền rải-rác từ đê Cơ-xá đến bến Thủy-ái để phòng quân thủy.

Nửa đêm hai mươi ba tháng hai, Phan-Ngạn đem chiến thuyền đến đánh quân Bùi-văn-Khuê.

CHU-THIÊN

Còn nữa

HAI QUYỀN SÁCH ĐÃ IN HÀNG MẤY VẠN

rất hợp cho các giáo viên dạy ở các trường Sơ - đẳng và các trường Hương - sư

VẠN VẠN BẠCH TUYỀN

của DƯƠNG-TỰ-QUÁN

Vừa in lại xong lần thứ 7, nghìn thứ 18

100 bài học thuộc lòng xếp đặt từ dễ đến khó, dùng ở các lớp từ Đồng-ấu đến Sơ-dẫn. rất tốt.

Giá 0p.50

TẬP BÀI THI BẰNG

SƠ - HỌC YẾU - LƯỢC

của DƯƠNG-QUẢNG-HÀM và DƯƠNG-TỰ-QUÁN

Vừa in lại lần thứ 8, nghìn thứ 24

Đủ cả âm - tả, luận quốc - văn, tính đồ và dịch chữ Pháp.

Giá 0p.55

Đều được Hải-dinh duyệt sách cho dùng trong khắp các trường Pháp - Việt ở Đông - dương
Bản tại hiệu sách Đông-lâm 195 Hàng Bông Hanoi — Mua nhiều có trừ hoa hồng hầu

Quang Trung và Ngọc Hân Công Chúa

Tiếp theo trang 4

đi làm phò-mã càng có cái « hay-hay », nên cười bảo Hữu-Trình :

— Nay ta là em vua Tây-sơn, mà làm rể vua nhà Lê môn đương hộ đối như thế, tưởng cũng là một việc ít có.

Nguyễn-hữu-Trình biết Nguyễn-Huệ ưng rồi, bèn vội-vã tâu với vua H.ền-tôn. Vua cũng bằng lòng và cho gọi tất cả công-chúa ra xem người nào xứng-đáng để Trình tác-thành cho.

Một lát, các cung-nữ trở ra, có các công-chúa theo sau. Nguyễn-hữu-Trình ngắm một lúc, tâu rằng :

— Thế được rồi, thật là mối duyên lành ! Tôi xin chu-tất.

Nguyễn-hữu-Trình hôn - hờ ra mắt Nguyễn-Huệ :

— Tôi đã đem những lời Minh-công tâu với Hoàng-thượng ; ngài rất bằng lòng. Ngài có bảo tôi rằng : Được ý Minh-công như vậy cũng là thên duyên. Ngài có bà công-chúa tên là Ngọc-Hân xin cho sung vào hậu-đình đã liên-lạc cái thân-nghị hai họ.

Công-chúa Ngọc-Hân là con vua H.ền-tôn và bà Chiêu-nghị hoàng-hậu. Hai ngài rất yêu con. Công-chúa đâu là người thứ chín, năm ấy

vừa mười sáu tuổi. Ngày mà cuộc trung-hung được thành lập cũng là ngày cơ-nhiệp nhà Lê bắt đầu suy-vi. Khi công-chúa ra đời, âu vàng tuy nhờ họ Trịnh được vững, mà nền thống-nhất đã lay ; quyền nhà vua chỉ còn là cái bóng ! Chúa Trịnh lăng-bức vua Lê trăm chiều, mà thân vua đâu đã yên ! Giặc-giã bốn-phương liên-tiếp nổi lên như đề báo trước một cơn giông-lố hãi-hùng.

Công-chúa lớn lên trong bầu không-khí nặng-nề, âm-đạm lúc tàn-cực. Thân là thân vàng ngọc, mà mặt trông chẳng lợi một nổi khổ gì của giống người : lên, xuống, còn, mất tan, hợp. Ảnh-hưởng thời-cực vì vậy đã để một ấn-tượng sâu vào tấm-khảm công-chúa, khiến trong tuổi ngây-thơ mà cô gái đã mang một tính cần-trọng ngay người lớn hơn chưa dễ đã có.

Công-chúa lại tư-sắc hơn người ; từ lúc bé, được giáo-huấn ở trong cung-đình, đã thông suốt đồ-sử, lại tinh âm-luật, văn quốc-âm rất hay. Vua H.ền-Tôn rất yêu - quý. Ngài thường bảo rằng . « Con gái này sau nên gả làm vương-phi, chứ không nên gả cho bọn phò - mã

tâm-thường ».

Thì cơ-hội đã đến đó ! (tuy rằng đến trong những trường-hợp khắt-khe). Người phò-mã được tiến-cử không phải trong khuôn - khổ bọn tâm-thường.

Nguyễn-Huệ nghe Nguyễn-hữu-Trình nói cũng gật đầu. Nguyễn-hữu-Trình lật-đặt vào cung. Trước khi băng-nhân đi, Nguyễn-Huệ còn dặn :

— Ta xin chúc Hoàng-thượng vạn tuế. Ta ở nơi thâm-sơn cùng-cốc mới đến, đâu dám đường đột như vậy, may sao được phụ vào kim chi ngọc diệp, thực là một cái duyên may, xưa nay chưa từng có, vinh-hạnh biết là chừng nào !

Vua Lê bằng lòng gả Ngọc-Hân công-chúa cho Huệ.

Tin bay ra khắp thần-kinh, ai nấy cho là một đại-thoại chưa chắc có hai lần trong đời. Có người cho Nguyễn-Huệ dù có công dứt Trịnh cũng chỉ là kẻ áo vải ở Tây-sơn, nay được dự vào hàng là ngọc cảnh vàng thật vinh-hạnh cho Nguyễn Huệ. Có kẻ lại mừng cho vua Lê đã khéo chọn rể cho con, lại còn tìm được người lương-đồng để giữ-gìn xã-tắc. Rút lại, ai cũng biết cuộc hôn-nhân thật là đẹp « trai anh hùng, gái thuyền-quyên » và chỉ mong tới ngày công-chúa nghi-gia.

TAM - GIA
(Còn nữa)

LONG PHAI HANH

RƯỢU CHÔI BẮC-KỲ

Các bà sinh nở dùng rượu
chôi Bắc-kỳ, trừ được
các chứng sản hậu,
tê thấp v. v.
Tốt và rẻ
tiền.

ĐÔNG - DƯƠNG THƯƠNG - CỤC
Tổng đại biểu
Kỹ nghệ sản phẩm nội hóa
155, Rue du Colon - Hanoi

**KHÁP CỎI
ĐÔNG - PHÁP**

Chỉ máy Sư tử

Đủ các mùi. Bền, rẻ
và các hàng tơ lụa, vải vóc, các
thứ đồ sùng, máy, cối v. v.



Ta thường nói « phú quý » thì ra
giàu vẫn hơn sang!

Mà thực!

Có tiền mua tiên cũng được mà!

Ai muốn bỗng chốc có bạc vạn
như cái ông đã trúng số độc đắc
vào kỳ mở số ngày hôm qua thì

Thử bỏ 1p. ra mua 1 vé

SỐ ĐÔNG PHÁP

Ai không tin thử mua xem

THOÁI-NHIỆT-TÂN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sưng đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tân hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p 50 đổ vào cửa mình là khỏi rút. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được, mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giới. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cư mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p 60 cũng rút nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rút nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đau cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. Chi nhánh 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biểu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.